

## **Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật (Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works)**

(Đạo luật Paris, ngày 24 tháng 7 năm 1971)

### **Danh mục các Điều**

- Điều 1** Thành lập một Liên hiệp
- Điều 2** Tác phẩm được bảo hộ: 1. Tác phẩm văn học và nghệ thuật; 2. Khả năng yêu cầu sự định hình; 3. Tác phẩm phái sinh; 4. Văn bản chính thức; 5. Sưu tập; 6. Nghĩa vụ bảo hộ, chủ thể hưởng sự bảo hộ; 7. Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng và kiểu dáng công nghiệp; 8. Tin tức.
- Điều 2 bis** Khả năng hạn chế sự bảo hộ đối với một số tác phẩm: 1. Một số bài diễn văn; 2. Một số hình thức sử dụng bài giảng, bài phát biểu; 3. Quyền làm tuyển tập những tác phẩm loại này.
- Điều 3** Tiêu chuẩn bảo hộ: 1. Quốc tịch của tác giả; nơi công bố tác phẩm; 2. Nơi thường trú của tác giả; 3. Tác phẩm đã công bố; 4. Tác phẩm công bố đồng thời.
- Điều 4** Tiêu chuẩn bảo hộ đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm kiến trúc và một số tác phẩm nghệ thuật.
- Điều 5** Đảm bảo quyền: 1 và 2. Bên ngoài quốc gia gốc; 3. Tại quốc gia gốc; 4. "Quốc gia gốc".
- Điều 6** Khả năng hạn chế bảo hộ đối với một số tác phẩm của công dân một số nước ngoài Liên hiệp: 1. Tại nước công bố lần đầu và tại những nước khác; 2. Không có hiệu lực hồi tố; 3. Thông báo.
- Điều 6 bis** Quyền tinh thần: 1. Đứng tên tác giả; phản đối một số sự sửa đổi và hành vi xuyên tạc khác; 2. Sau khi tác giả chết; 3. Phương thức đền bù.
- Điều 7** Thời hạn bảo hộ: 1. Quy định chung; 2. Đối với tác phẩm điện ảnh; 3. Đối với tác phẩm đề bút danh, khuyết danh; 4. Tác phẩm nhiếp ảnh và mỹ thuật ứng dụng; 5. Ngày bắt đầu tính thời hạn; 6. Thời hạn dài hơn; 7. Thời hạn ngắn hơn; 8. Luật áp dụng "so sánh" thời hạn.

- Điều 7 bis Thời hạn bảo hộ đối với tác phẩm đồng tác giả.*
- Điều 8 Quyền dịch.*
- Điều 9 Quyền sao chép: 1. Quy định chung; 2. Các ngoại lệ có thể; 3. Ghi âm và ghi hình.*
- Điều 10 Một số sử dụng tự do tác phẩm: 1. Trích dẫn; 2. Minh họa phục vụ giảng dạy; 3. Chỉ dẫn nguồn gốc và tác giả.*
- Điều 10 bis Sử dụng tự do hợp pháp khác tác phẩm: 1. một số tác phẩm và tác phẩm phát sóng; 2. Đối với tác phẩm được xem hoặc nghe gắn với tin thời sự.*
- Điều 11 Một số quyền đối với tác phẩm kịch và âm nhạc: 1. Quyền trình diễn và truyền thông công cộng trình diễn; 2. Đối với việc dịch.*
- Điều 11 bis Phát sóng và quyền liên quan: 1. Phát sóng và truyền thông vô tuyến khác, truyền thông hữu tuyến cuộc phát sóng hoặc tái phát sóng, truyền thông cuộc phát sóng tới công chúng bằng loa hoặc phương tiện tương tự; 2. Giấy phép cưỡng bức; 3. Ghi; ghi thử.*
- Điều 11 ter Một số quyền đối với tác phẩm văn học: 1. Quyền thuật lại và truyền đạt tới công chúng việc kể lại; 2. Đối với các phiên bản dịch.*
- Điều 12 Quyền phóng tác, cải biên chuyển thể khác*
- Điều 13 Hạn chế khả năng đối với quyền ghi âm tác phẩm âm nhạc và lời kèm theo: 1. Giấy phép bắt buộc; 2. Biện pháp tạm thời; 3. Tịch thu bản sao nhập khẩu không được tác giả cho phép.*
- Điều 14 Điện ảnh và quyền liên quan: 1. Phóng tác điện ảnh và sao chép; phân phối; trình diễn công cộng và truyền thông hữu tuyến công cộng tác phẩm đã phóng tác hoặc sao chép; 2. Phóng tác sản phẩm điện ảnh; không cấp giấy phép bắt buộc.*
- Điều 14 bis Qui định đặc biệt liên quan đến tác phẩm điện ảnh: 1. Coi như tác phẩm gốc; 2. Quyền sở hữu; hạn chế một số quyền của một số người đóng góp; 3. Một số người đóng góp khác.*
- Điều 14 ter "Droit de suite" đối với tác phẩm mỹ thuật và bản thảo viết tay: 1. Quyền hưởng lợi ích trong việc bán lại; 2. Luật áp dụng; 3. Thủ tục.*
- Điều 15 Quyền thực thi quyền được bảo hộ : 1. Trường hợp tên tác giả được xác định rõ hoặc khi bút danh không còn gây nghi ngờ về*

danh tính của tác giả; 2. Trong trường hợp tác phẩm điện ảnh; 3. Trong trường hợp tác phẩm khuyết danh hoặc bút danh;  
4. Trong trường hợp của một số tác phẩm chưa công bố không rõ tác giả.

Điều 16 Bản sao xâm phạm: 1. Tịch thu; 2. Tịch thu khi nhập khẩu;  
3. Luật áp dụng.

Điều 17 Khả năng kiểm soát sự lưu thông, trình bày, triển lãm tác phẩm.

Điều 18 Tác phẩm tồn tại khi Công ước bắt đầu có hiệu lực: 1. Có thể được bảo hộ khi sự bảo hộ chưa chấm dứt tại quốc gia gốc; 2. Không thể được bảo hộ khi sự bảo hộ vốn đã hết hạn tại nước nơi có yêu cầu bảo hộ; 3. áp dụng các nguyên tắc này; Các trường hợp đặc biệt.

Điều 19 Sự bảo hộ rộng hơn sự bảo hộ xuất phát từ Công ước.

Điều 20 Hiệp định riêng giữa các quốc gia thuộc Liên hiệp.

Điều 21 Những qui định đặc biệt đối với nước đang phát triển: 1. Liên quan đến Phụ lục; 2. Phần Phụ lục của Đạo luật

Điều 22 Hội đồng: 1. Thành lập và thành phần; 2. Các nhiệm vụ; 3. Số thành viên tối thiểu hợp lý; bỏ phiếu; quan sát viên; 4. Triệu tập họp; 5. Nội quy.

Điều 23 Ban Điều hành: 1. Thành lập; 2. Thành phần; 3. Số lượng thành viên; 4. Phân bổ địa lý; thoả thuận đặc biệt; 5. Thời hạn; hạn chế tái cử; quy tắc lựa chọn; 6. Nhiệm vụ; 7. Triệu tập họp; 8. Số lượng tối thiểu hợp lệ; 9. Quan sát viên; 10. Nội quy.

Điều 24 Văn phòng Quốc tế: 1. Nhiệm vụ chung, Tổng Giám đốc; 2. Thông tin chung; 3. Tạp chí; 4. Thông tin tới các nước; 5. Nghiên cứu và dịch vụ; 6. Tham dự họp; 7. Hội nghị sửa đổi; Các nhiệm vụ khác.

Điều 25 Tài chính: 1. Ngân sách; 2. Phối hợp với các Liên hiệp khác; 3. Nguồn; 4. Phân phối; khả năng tăng thêm ngân sách theo năm trước; 6. Lệ phí và khoản thu; 6. Quỹ hoạt động; 7. Ưu đãi của Chính phủ nước chủ nhà; 8. Kiểm toán sổ sách kế toán.

Điều 26 Sửa đổi: 1. Các điều thuộc quyền sửa đổi của Hội đồng đề nghị; 2. Thông qua; 3. Có hiệu lực.

Điều 27 Sửa đổi: 1. Mục đích; 2. Hội nghị; 3. Thông qua.

- Điều 28** *Chấp thuận và bắt đầu có hiệu lực của Đạo luật đối với các nước thuộc Liên hiệp: 1. Phê chuẩn, gia nhập; khả năng loại trừ một số qui định; bãi bỏ loại trừ; 2. Có hiệu lực của các Điều từ 1-21 và Phụ lục; 3. Có hiệu lực các điều từ 22-38.*
- Điều 29** *Chấp thuận và có hiệu lực đối với nước ngoài liên hiệp: 1. Gia nhập; 2. Có hiệu lực..*
- Điều 29 Bis** *ảnh hưởng của việc chấp thuận Đạo luật nhằm áp dụng Điều 14(2) của Công ước WIPO.*
- Điều 30** *Bảo lưu: 1. Các hạn chế khả năng đưa ra bảo lưu; 2. Các bảo lưu trước; bảo lưu quyền dịch; rút lại bảo lưu.*
- Điều 31** *Khả năng áp dụng đối với một số vùng lãnh thổ: 1. Tuyên bố; 2. Rút tuyên bố; 3. Ngày có hiệu lực; 4. Chấp nhận các thực trạng hiện hành không chủ định.*
- Điều 32** *áp dụng đạo luật này và các Đạo luật đã ký trước: 1. Giữa các nước vốn đã là thành viên của Liên hiệp; 2. Giữa nước trở thành thành viên của Liên hiệp và các nước Thành viên khác của Liên hiệp; 3. áp dụng Phụ lục trong mối quan hệ cụ thể..*
- Điều 33** *Tranh chấp: 1. Thẩm quyền xét xử của Tòa án Quốc tế; 2. Bảo lưu đối với thẩm quyền này; 3. Rút bảo lưu.*
- Điều 34** *Khoá các quy định trước: 1. Các đạo luật trước; 2. Hiệp định thư của đạo luật Stockholm.*
- Điều 35** *Thời hạn của Công ước, rút khỏi Công ước: 1. Không hạn định thời hạn; 2. Khả năng rút khỏi công ước; 3. Ngày có hiệu lực của việc rút khỏi công ước; 4. Thời gian rút khỏi công ước.*
- Điều 36** *áp dụng công ước: 1. Nghĩa vụ ban hành các biện pháp cần thiết; 2. Thời điểm nghĩa vụ tồn tại.*
- Điều 37** *Điều khoản cuối cùng: 1. Ngôn ngữ của đạo luật; 2. Ký kết; 3. Bản sao có xác nhận; 4. Đăng ký; 5. Thông báo.*
- Điều 38** *Các quy định chuyển tiếp: 1. Thực thi “năm năm độc quyền”; 2. Văn phòng của Liên hiệp, Giám đốc của văn phòng; 3. Kế thừa của Văn phòng của Liên hiệp.*
- Phụ lục** **(Kèm theo Công ước Berne Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật)**

- Điều I*      *Lựa chọn dành cho nước đang phát triển: 1. Khả năng lựa chọn; việc tuyên bố; 2. Thời hạn hiệu lực của tuyên bố; 3. Chấm dứt tình trạng nước đang phát triển; 4. Bản sao còn trong kho; 5. Tuyên bố liên quan đến một số vùng lãnh thổ; 6. Hạn chế về sự có đi có lại.*
- Điều II*      *Hạn chế quyền dịch: 1. Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp; 2. đến 4. Điều kiện để cấp giấy phép; 5. Có thể cấp giấy phép cho những mục đích nào; 6. Kết thúc giấy phép; 7. Tác phẩm chủ yếu bao gồm minh họa; 8. Tác phẩm rút khỏi lưu thông; 9. Giấy phép dành cho tổ chức phát sóng.*
- Điều III*      *Hạn chế quyền sao chép: 1. Giấy phép cơ quan có thẩm quyền có thể cấp; 2. đến 5. Điều kiện để cấp giấy phép; 6. Chấm dứt hiệu lực giấy phép; 7. Tác phẩm thuộc phạm vi áp dụng của Điều này.*
- Điều IV*      *Qui định chung đối với giấy phép theo Điều II và III:  
1. và 2. Thủ tục; 3. Nêu tác giả và tên tác phẩm; 4. Xuất khẩu bản sao; 5. Ghi chú; 6. Bù đắp.*
- Điều V*      *Khả năng lựa chọn về hạn chế quyền dịch: 1. Chế độ quy định theo các Đạo luật 1886 và 1896; 2. Không được chuyển đổi sang chế độ theo Điều II; 3. Thời hạn để xác định khả năng lựa chọn.*
- Điều VI*      *Khả năng áp dụng, hoặc cho phép áp dụng đối với một số qui định của Phụ lục trước khi bị ràng buộc: 1. Tuyên bố; 2. Nộp lưu và ngày hiệu lực của tuyên bố.*

Các nước tham gia Liên Hiệp cùng xuất phát từ lòng mong muốn bảo hộ một cách hữu hiệu và đồng bộ đến mức tối đa các quyền lợi của các tác giả đối với tác phẩm văn học và nghệ thuật của họ,

Công nhận tầm quan trọng của những công việc của hội nghị sửa đổi hợp ở Stockholm năm 1967,

Đã quyết định sửa đổi Đạo Luật đã được Hội nghị Stockholm thông qua, đồng thời vẫn giữ nguyên vẹn các Điều từ 1 đến 20 và từ 22 đến 26 của Đạo Luật đó .

Do vậy, những đại biểu toàn quyền ký tên dưới đây, sau khi xuất trình thư uỷ nhiệm toàn quyền của mình và được công nhận là hợp lệ, đã thoả thuận những điều sau đây:

## **Điều 1**

*Thành lập một Liên hiệp*

Các nước áp dụng Công ước này hợp thành một Liên Hiệp để bảo hộ các quyền của tác giả đối với các tác phẩm văn học và nghệ thuật của họ.

## **Điều 2**

*Tác phẩm được bảo hộ: 1. Tác phẩm văn học và nghệ thuật; 2. Khả năng yêu cầu sự định hình; 3. Tác phẩm phái sinh; 4. Văn bản chính thức; 5. Sưu tập; 6. Nghĩa vụ bảo hộ, chủ thể hưởng sự bảo hộ; 7. Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng và kiểu dáng công nghiệp; 8. Tin tức.*

1. Thuật ngữ "*Các tác phẩm văn học và nghệ thuật*" bao gồm tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, bất kỳ được biểu hiện theo phương thức hay dưới hình thức nào, chẳng hạn như sách, tập in nhỏ và các bản viết khác, các bài giảng, bài phát biểu, bài thuyết giáo và các tác phẩm cùng loại; các tác phẩm kịch, hay nhạc kịch, các tác phẩm hoạt cảnh và kịch câm, các bản nhạc có lời hay không lời, các tác phẩm điện ảnh và các tác phẩm được diễn tả bằng một kỹ thuật tương tự với điện ảnh, các tác phẩm đồ họa, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, chạm trổ, in thạch bản; các tác phẩm nhiếp ảnh và các tác phẩm được diễn tả bằng một kỹ thuật tương tự như nhiếp ảnh; các tác phẩm nghệ thuật ứng dụng, minh họa, địa đồ, đồ án, bản phác họa và các tác phẩm tạo hình liên quan đến địa lý, địa hình, kiến trúc hay khoa học.

2. Tuy nhiên, luật pháp Quốc gia thành viên của Liên Hiệp có thẩm quyền quyết định không bảo hộ các tác phẩm nói chung hoặc những thể loại khác cụ thể nào đó, trong khi các tác phẩm ấy chưa được ấn định trên một hình thái vật chất.

3. Các tác phẩm dịch, mô phỏng, chuyển nhạc và các chuyển thể khác từ một tác phẩm văn học nghệ thuật đều được bảo hộ như các tác phẩm gốc, miễn không phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm gốc.

4. Luật pháp Quốc gia là thành viên Liên hiệp có thẩm quyền quy định việc bảo hộ đối với các công văn Nhà nước về lập pháp, hành pháp hay tư pháp cũng như các bản dịch chính thức của các văn kiện đó.

5. Các tuyển tập các tác phẩm văn học nghệ thuật, các bộ bách khoa từ điển và các hợp tuyển mà do việc chọn lọc hay kết cấu các tư liệu, tạo thành một sáng tạo trí tuệ, cũng được bảo hộ như một tác phẩm, miễn không phương hại quyền tác giả của các tác phẩm tạo nên các hợp tuyển này.

6. Các tác phẩm nói trong Điều 2 này được hưởng sự bảo hộ ở tất cả các nước thành viên của Liên Hiệp. Việc bảo hộ này được dành cho tác giả và những người sở hữu quyền tác giả.

7. Luật pháp Quốc gia là thành viên của Liên Hiệp có quyền quy định lĩnh vực áp dụng luật liên quan đến các tác phẩm nghệ thuật ứng dụng, họa phẩm và kiểu mẫu kỹ nghệ cũng như những điều kiện để các tác phẩm này được bảo hộ, miễn phải phù hợp với Điều 7 (4) của Công ước này. Những tác phẩm nếu chỉ được bảo hộ như là họa phẩm và kiểu mẫu kỹ nghệ ở Quốc gia gốc, thì cũng chỉ được đòi quyền bảo hộ đặc biệt dành cho họa phẩm và kiểu mẫu kỹ nghệ ở một Quốc gia khác trong Liên Hiệp. Tuy nhiên, nếu Quốc gia này không có sự bảo hộ đặc biệt nói trên, thì các tác phẩm ấy sẽ được bảo hộ như những tác phẩm nghệ thuật khác.

8. Việc bảo hộ theo Công ước này sẽ không áp dụng cho những tin tức thời sự hay vụ việc vụn vặt chỉ mang tính chất thông tin báo chí.

### **Điều 2<sup>bis</sup>**

*Khả năng hạn chế sự bảo hộ đối với một số tác phẩm: 1. Một số bài diễn văn; 2. Một số hình thức sử dụng bài giảng, bài phát biểu; 3. Quyền làm tuyển tập những tác phẩm loại này.*

1. Luật pháp Quốc gia là thành viên của Liên Hiệp có thẩm quyền quy định không áp dụng hoặc chỉ áp dụng một phần của sự bảo hộ nói ở Điều trên cho các bài diễn văn chính trị hay những bài phát biểu trong những buổi tranh luận về tư pháp.

2. Cũng dành cho luật pháp Quốc gia là thành viên Liên Hiệp quyền quy định những điều kiện để những bài diễn văn, thuyết trình và những tác phẩm cùng loại đã nói trước công chúng, có thể được đăng lên báo, phát thanh, phổ biến đến quần chúng bằng đường dây hay được thông tin quần chúng theo Điều 11 bis (1) của Công ước này, miễn là việc sử dụng như thế được hợp lý hoá vì nhằm mục đích thông tin.

3. Tuy nhiên tác giả giữ độc quyền thu thập thành sách những tác phẩm đã nói ở những Đoạn trên đây.

### **Điều 3**

*Tiêu chuẩn bảo hộ: 1. Quốc tịch của tác giả; nơi công bố tác phẩm; 2. Nơi thường trú của tác giả; 3. Tác phẩm đã công bố; 4. Tác phẩm công bố đồng thời.*

1. Được bảo hộ theo Công ước này:

a. Các tác giả là công dân của một trong những nước là thành viên của Liên Hiệp cho các tác phẩm của họ dù đã công bố hay chưa;

b. Các tác giả không là công dân của một trong những nước là thành viên của Liên Hiệp cho những tác phẩm họ công bố lần đầu tiên ở một trong những nước là thành viên Liên Hiệp hay đồng thời công bố ở một nước trong và một nước ngoài Liên Hiệp.

2. Các tác giả không là công dân của một nước thành viên Liên Hiệp nhưng có nơi cư trú thường xuyên ở một trong những nước trên, cũng sẽ được Công ước này coi như là tác giả công dân của nước thành viên đó.

3. "*Tác phẩm đã công bố*" là những tác phẩm đã được phát hành với sự đồng ý của tác giả, không phân biệt phương pháp cấu tạo các bản sao, miễn là các bản đó đủ để đáp ứng như cầu hợp lý của quần chúng, tùy theo bản chất của tác phẩm. Không được coi là công bố: sự trình diễn một tác phẩm sân khấu, nhạc kịch hay điện ảnh, hoà tấu một tác phẩm nhạc, đọc trước công chúng một tác phẩm văn học, phát thanh hay truyền hình một tác phẩm văn học hay nghệ thuật, triển lãm một tác phẩm nghệ thuật hay xây dựng một tác phẩm kiến trúc.

4. Được xem là công bố đồng thời ở nhiều nước: những tác phẩm được công bố ở hai hay nhiều nước trong thời gian 30 ngày kể từ lần công bố đầu tiên.

#### **Điều 4**

*Tiêu chuẩn bảo hộ đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm kiến trúc và một số tác phẩm nghệ thuật*

Được Công ước này bảo hộ mặc dầu không đáp ứng được những điều kiện nêu ở Điều 3.

a. Các tác phẩm của tác giả điện ảnh mà nhà sản xuất có trụ sở hay thường trú ở một trong những nước thành viên của Liên Hiệp;

b. Các tác giả của tác phẩm kiến trúc được xây dựng trong một nước thuộc Liên Hiệp hoặc những tác phẩm tạo hình gắn liền với một tòa nhà được xây dựng trong một nước thuộc Liên Hiệp.

#### **Điều 5**

*Đảm bảo quyền: 1 và 2. Bên ngoài quốc gia gốc; 3. Tại quốc gia gốc; 4."Quốc gia gốc"*

1. Đối với những tác phẩm được Công ước này bảo hộ, các tác giả được hưởng quyền tác giả ở các nước Liên Hiệp ngoại trừ Quốc gia gốc của tác phẩm, những quyền lợi do Luật Quốc gia liên hệ dành cho công dân nước đó



trong hiện tại và trong tương lai cũng như những quyền lợi mà Công ước này đặc biệt quy định.

2. Việc hưởng và thực hiện các quyền lợi này không lệ thuộc vào một thể thức, thủ tục nào hết; việc hưởng và thực hiện này hoàn toàn độc lập không tùy thuộc vào việc tác phẩm có được bảo hộ hay không ở nước gốc của tác phẩm. Do đó, ngoài những quy định của Công ước này, mức độ bảo hộ cũng như các biện pháp khiêu nại đảm bảo cho tác giả để bảo hộ quyền lợi của mình sẽ hoàn toàn do quy định của Luật pháp của nước nơi sự bảo hộ được áp dụng.

3. Việc bảo hộ trong Quốc gia gốc do Luật pháp Quốc gia đó quy định. Tuy nhiên, khi tác giả không phải là công dân của Quốc gia gốc của tác phẩm được Công ước này bảo hộ, thì tác giả đó được hưởng trong Quốc gia này những quyền như các tác giả công dân nước đó.

4. Những nước được coi là Quốc gia gốc.

a. Quốc gia thành viên Liên Hiệp, nơi tác phẩm được công bố lần đầu tiên. Tuy nhiên, nếu là tác phẩm được công bố đồng thời ở nhiều nước thành viên Liên Hiệp không có cùng một thời hạn bảo hộ, Quốc gia nguyên thủy của tác phẩm là Quốc gia có thời hạn bảo hộ ngắn nhất;

b. Quốc gia thành viên của Liên Hiệp nếu các tác phẩm cùng công bố đồng thời ở một Quốc gia Liên Hiệp và một Quốc gia ngoài Liên Hiệp;

c. Quốc gia Liên Hiệp, nơi tác giả là công dân nếu tác phẩm chưa công bố hay đã công bố lần đầu tiên ở một nước ngoài Liên Hiệp mà không đồng thời công bố ở một nước thuộc Liên Hiệp:

i. Tuy nhiên, nếu là một tác phẩm điện ảnh mà nhà sản xuất có trụ sở hay nơi thường trú trong một nước thuộc Liên Hiệp thì nước đó sẽ là nước gốc của tác phẩm .

ii. Nếu là một tác phẩm kiến trúc tọa lạc tại một nước thuộc Liên Hiệp hay những tác phẩm hội họa hoặc tạo hình gắn liền với một tòa nhà tọa lạc trong một nước thuộc Liên Hiệp, nước này sẽ là nước gốc của tác phẩm.

## **Điều 6**

*Khả năng hạn chế bảo hộ đối với một số tác phẩm của công dân một số nước ngoài Liên hiệp: 1. Tại nước công bố lần đầu và tại những nước khác; 2. Không có hiệu lực hồi tố; 3. Thông báo*

1. Khi một nước ngoài Liên Hiệp không bảo hộ đúng mức những tác phẩm của các tác giả là công dân của một nước thuộc Liên Hiệp thì nước thành viên này có thể hạn chế sự bảo hộ các tác phẩm mà khi công bố lần đầu tiên, tác giả

là công dân của nước ngoài Liên Hiệp đó và không thường trú ở một nước thuộc Liên Hiệp. Nếu Quốc gia nơi tác phẩm được công bố lần đầu tiên áp dụng biện pháp này, các nước khác trong Liên Hiệp không bắt buộc phải dành cho những tác phẩm bị đối xử đặc biệt như thể một sự bảo hộ rộng rãi hơn sự bảo hộ Quốc gia nơi công bố lần tiên.

2. Những hạn chế quy định ở khoản trên đây không được ảnh hưởng đến các quyền mà một tác giả được hưởng đối với tác phẩm đã công bố trong một nước thuộc Liên Hiệp trước lúc sự hạn chế này được áp dụng.

3. Những nước thành viên Liên Hiệp nếu muốn áp dụng Điều khoản này để hạn chế các quyền của tác giả sẽ thông báo điều đó cho Tổng Giám đốc Tổ chức Trí tuệ thế giới ( gọi tắt là Tổng Giám đốc) bằng một văn bản tuyên bố trong đó nêu rõ những nước bị hạn chế quyền bảo hộ và những thứ quyền nào công dân nước đó bị hạn chế. Tổng Giám đốc sẽ lập tức thông báo văn bản trên cho tất cả các nước thành viên Liên Hiệp.

#### **Điều 6<sup>bis</sup>**

*Quyền tinh thần: 1. Đứng tên tác giả; phản đối một số sự sửa đổi và hành vi xuyên tạc khác; 2. Sau khi tác giả chết; 3. Phương thức đền bù*

1. Độc lập với quyền kinh tế của tác giả và cả sau khi quyền này đã được chuyển nhượng, tác giả vẫn giữ nguyên quyền được đòi thừa nhận mình là tác giả của tác phẩm và phản đối bất kỳ sự xuyên tạc, cắt xén hay sửa đổi hoặc những vi phạm khác đối với tác phẩm có thể làm phương hại đến danh dự và tiếng tăm tác giả.

2. Sau khi tác giả chết, những quyền tác giả được hưởng theo quy định của các Đoạn trên đây vẫn được duy trì ít nhất cho đến khi chấm dứt các quyền kinh tế và được sử dụng bởi những cá nhân hoặc đoàn thể hữu quyền thể theo pháp luật Quốc gia nơi sự bảo hộ được áp dụng.

Tuy nhiên, những Quốc gia mà luật pháp hiện hành khi phê chuẩn, hoặc gia nhập Đạo luật này không có các quy định bảo hộ tất cả những quyền nói ở Đoạn trên đây sau khi tác giả qua đời, các Quốc gia đó có thể quy định chấm dứt một phần các quyền nói trên sau khi tác giả chết.

3. Những biện pháp khiếu nại nhằm bảo hộ những quyền nêu trong mục này sẽ được quy định bởi luật pháp Quốc gia nơi sự bảo hộ được xử lý.

#### **Điều 7**

*Thời hạn bảo hộ: 1. Quy định chung; 2. Đối với tác phẩm điện ảnh; 3. Đối với tác phẩm đề bút danh, khuyết danh; 4. Tác phẩm nhiếp ảnh và mỹ thuật ứng dụng; 5.*

*Ngày bắt đầu tính thời hạn; 6. Thời hạn dài hơn; 7. Thời hạn ngắn hơn; 8. Luật áp dụng; "so sánh" thời hạn*

1. Thời hạn bảo hộ theo Công ước này sẽ là suốt cuộc đời của tác giả và năm mươi năm sau khi tác giả chết.

2. Tuy nhiên đối với những tác phẩm điện ảnh, các Quốc gia thành viên Liên Hiệp có thể quy định thời hạn bảo hộ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được phổ cập đến quần chúng, với sự đồng ý của tác giả hoặc nếu không có sự phổ cập như thế trong vòng 50 năm tính từ ngày thực hiện tác phẩm, thì thời hạn bảo hộ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được thực hiện.

3. Đối với những tác phẩm khuyết danh hay bút danh, thời hạn bảo hộ do Công ước này quy định chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được phổ cập đến quần chúng một cách hợp pháp. Tuy nhiên, khi bút hiệu tác giả biểu lộ không chút hoài nghi về danh tính của tác giả thì thời hạn bảo hộ là thời hạn quy định ở Đoạn (1). Nếu tác giả một tác phẩm khuyết danh hay bút danh tiết lộ danh tính của mình trong thời gian đã nói ở trên, thời hạn bảo hộ là thời hạn được quy định ở Đoạn (1). Các Quốc gia thành viên Liên Hiệp không bắt buộc phải bảo hộ những tác phẩm khuyết danh hay bút danh khi có đủ lý do cho rằng tác giả của tác phẩm đó đã chết được 50 năm.

4. Luật pháp của Quốc gia là thành viên Liên Hiệp có thẩm quyền quy định thời hạn bảo hộ các tác phẩm nhiếp ảnh và các tác phẩm nghệ thuật ứng dụng theo tính chất của tác phẩm nghệ thuật; tuy nhiên, thời hạn này không được dưới 25 năm kể từ khi tác phẩm được thực hiện.

5. Thời hạn bảo hộ sau khi tác giả chết và những thời hạn nói ở Đoạn 2,3 và 4 trên đây được bắt đầu từ lúc tác giả chết hay từ những biến cố đã nói ở trên. Tuy nhiên, thời hạn hạn định chỉ được tính từ ngày 1 tháng 1 năm tiếp theo sau cái chết hay biến cố đã nói.

6. Các nước thành viên Liên Hiệp có quyền quy định một thời hạn bảo hộ dài hơn các thời hạn quy định ở những Đoạn trên đây.

7. Những nước thành viên Liên Hiệp bị ràng buộc bởi Đạo luật Roma của Công ước, nếu vào thời điểm Đạo luật hiện tại được ký kết, có Luật Quốc gia hiện hành quy định những thời hạn bảo hộ ngắn hơn thời hạn quy định ở các Đoạn trên, thì nước đó có thể giữ thời hạn ngắn hơn đó trong khi gia nhập hay phê chuẩn Đạo luật này.

8. Trong bất kỳ trường hợp nào thời hạn bảo hộ sẽ do quy định của Luật pháp của nước nơi sự bảo hộ được áp dụng. Tuy nhiên, trừ trường hợp Luật pháp của nước đó quy định khác đi, còn không thì thời hạn bảo hộ sẽ không quá thời hạn được quy định ở Quốc gia gốc của tác phẩm.

## **Điều 7<sup>bis</sup>**

*Thời hạn bảo hộ đối với tác phẩm đồng tác giả*

Những quy định Điều khoản trên cũng được áp dụng khi quyền tác giả là quyền chung của những người cộng tác của một tác phẩm chỉ có khác là thời hạn tính sau khi người cộng tác cuối cùng chết.

## **Điều 8**

*Quyền dịch*

Tác giả của các tác phẩm văn học nghệ thuật được Công ước này bảo hộ được độc quyền dịch hay cho phép dịch tác phẩm của mình trong suốt thời hạn hưởng quyền bảo hộ trên các tác phẩm nguyên tác của mình.

## **Điều 9**

*Quyền sao chép: 1. Quy định chung; 2. Các ngoại lệ có thể; 3. Ghi âm và ghi hình*

1. Tác giả có các tác phẩm văn học nghệ thuật được Công ước này bảo hộ, được hưởng độc quyền cho phép sao in các tác phẩm đó dưới bất kỳ phương thức hay dưới hình thức nào.

2. Luật pháp Quốc gia thành viên Liên Hiệp có quyền cho phép sao in những tác phẩm nói trên trong một vài trường hợp đặc biệt, miễn là sự sao in đó không phương hại đến việc khai thác bình thường tác phẩm hoặc không gây thiệt thòi bất chính cho những quyền lợi hợp pháp của tác giả.

3. Mọi ghi âm hay ghi hình đều được xem là sao in theo nghĩa của Công ước này.

## **Điều 10**

*Một số sử dụng tự do tác phẩm: 1. Trích dẫn; 2. Minh họa phục vụ giảng dạy; 3. Chỉ dẫn nguồn gốc và tác giả*

1. Được coi là hợp pháp những trích dẫn rút từ một tác phẩm đã được phổ cập tới công chúng một cách hợp pháp, miễn là sự trích dẫn đó là phù hợp với những thông lệ chính đáng và trong mức độ phù hợp với mục đích, kể cả những trích dẫn các bài báo và tập san định kỳ dưới hình thức điểm báo.

2. Luật pháp Quốc gia thành viên Liên Hiệp và những Thỏa hiệp đặc biệt đã có hay sẽ ký kết giữa các Quốc gia này có thẩm quyền quy định cho phép sử dụng trong mức độ phù hợp có mục đích, những tác phẩm văn học hay nghệ thuật bằng cách trích dẫn để minh họa giảng dạy trong các xuất bản phẩm, các buổi phát thanh, ghi âm hoặc ghi hình, miễn sao việc sử dụng đó phù hợp với thông lệ chính đáng .

3. Khi trích dẫn hay sử dụng tác phẩm như đã nói ở các Khoản trên đây, đều phải ghi rõ nguồn gốc tác phẩm và tên tác giả nếu nguồn gốc tác phẩm có mang tên tác giả.

### **Điều 10<sup>bis</sup>**

*Sử dụng tự do hợp pháp khác tác phẩm: 1. một số tác phẩm và tác phẩm phát sóng; 2. Đối với tác phẩm được xem hoặc nghe gắn với tin thời sự*

1. Luật pháp Quốc gia thành viên Liên Hiệp có thẩm quyền cho phép in lại trên báo chí, phát lại trên đài truyền thanh hay phương tiện thông tin đại chúng bằng đường dây những bài báo có tính chất thời sự về kinh tế, chính trị hay tôn giáo đã đăng tải trên báo chí hay tập san hoặc các tác phẩm truyền thanh cùng một tính chất tương tự, miễn là sự in lại, phát thanh hay truyền thông đó không bị tác giả đích danh dành quyền sử dụng.

Tuy nhiên, bao giờ cũng phải ghi rõ nguồn gốc tác phẩm. Vi phạm nghĩa vụ này sẽ bị xét xử theo luật Quốc gia nơi sự bảo hộ được áp dụng.

2. Luật Quốc gia thành viên Liên Hiệp cũng có thẩm quyền quy định trong những điều kiện nào những tác phẩm văn học hay nghệ thuật được nhìn thấy hoặc nghe thấy trong một buổi thông tin thời sự qua hình ảnh hay phim hoặc phát thanh hay truyền thông qua chúng bằng đường dây, có thể được sao và phổ cập tới quần chúng trong mức độ phù hợp với mục đích thông tin.

### **Điều 11**

*Một số quyền đối với tác phẩm kịch và âm nhạc: 1. Quyền trình diễn và truyền thông công cộng trình diễn; 2. Đối với việc dịch*

1. Tác giả các tác phẩm kịch, nhạc kịch và ca nhạc giữ độc quyền cho phép:

- i. Biểu diễn và hoà tấu công cộng tác phẩm của mình, kể cả hoà tấu công cộng bằng tất cả mọi phương pháp hay kỹ thuật
- ii. Truyền thông tới quần chúng những biểu diễn và hoà tấu đó bằng bất kỳ một phương pháp nào.

2. Các tác giả của các tác phẩm kịch và nhạc kịch trong suốt thời gian sở hữu các quyền trên tác phẩm nguyên tác, cũng được hưởng tất cả những quyền nói trên đối với bản dịch các tác phẩm đó của mình.

#### **Điều 11<sup>bis</sup>**

*Phát sóng và quyền liên quan: 1. Phát sóng và truyền thông vô tuyến khác, truyền thông hữu tuyến cuộc phát sóng hoặc tái phát sóng, truyền thông cuộc phát sóng tới công chúng bằng loa hoặc phương tiện tương tự; 2. Giấy phép cưỡng bức; 3. Ghi; ghi thử*

1. Các tác giả các tác phẩm văn học và nghệ thuật giữ độc quyền cho phép:

(i). Truyền thanh tác phẩm của mình hay truyền thông công cộng các tác phẩm đó bằng bất cứ phương tiện vô tuyến nào khác nhằm phổ biến các ký hiệu, âm thanh hay hình ảnh.

(ii). Mọi truyền thông công cộng tác phẩm đã được phát thanh dù bằng vô tuyến hay hữu tuyến, khi mà sự truyền thông này được thực hiện do một cơ quan khác với cơ quan phát thanh đầu tiên.

(iii). Truyền thông công cộng tác phẩm phát thanh bằng loa hay dụng cụ tương tự để truyền ký hiệu âm thanh hay hình ảnh.

2. Luật pháp Quốc gia thành viên Liên Hiệp quy định những điều kiện để áp dụng những quyền nói ở Đoạn 1 trên đây. Nhưng những điều kiện đó chỉ được áp dụng ở Quốc gia ban hành. Dù bất kỳ trường hợp nào, những điều kiện đó không được vi phạm quyền tinh thần của tác giả cũng như quyền tác giả được nhận thù lao hợp lý do cơ quan có trách nhiệm quy định trong trường hợp không đi đến một thoả thuận giữa đôi bên.

3. Nếu không có quy định khác đi thì việc cho phép sử dụng nói ở Đoạn một trên đây không bao hàm việc cho phép dùng máy thu thanh hoặc thu hình để ghi lại tác phẩm được phát thanh. Tuy nhiên, Luật pháp Quốc gia thành viên Liên Hiệp có thẩm quyền quy định việc ghi âm nhất thời do chính cơ quan phát thanh đảm nhiệm với những phương tiện riêng và để dùng trong việc phát thanh của mình. Luật Quốc gia có quyền cho phép lưu trữ bản thu nói trên ở Viện lưu trữ Nhà nước nếu bản thu được coi là có giá trị tư liệu đặc biệt.

#### **Điều 11<sup>ter</sup>**

*Một số quyền đối với tác phẩm văn học: 1. Quyền thuật lại và truyền đạt tới công chúng việc kể lại; 2. Đối với các phiên bản dịch.*

1. Tác giả các tác phẩm văn học được giữ độc quyền cho phép:

(i). Đọc trước quần chúng tác phẩm của mình, kể cả phát biểu công cộng bằng mọi phương pháp và kỹ thuật;

(ii). Truyền thông công cộng bản đọc tác phẩm của mình bằng tất cả mọi phương pháp.

2. Tác giả các tác phẩm văn học, trong suốt thời gian sở hữu các quyền trên tác phẩm nguyên tác của mình cũng được hưởng những quyền nói trên đối với những bản dịch tác phẩm đó.

## **Điều 12**

*Quyền phóng tác, cải biên chuyển thể khác*

Tác giả các tác phẩm văn học và nghệ thuật được hưởng độc quyền cho phép phóng tác, chuyển thể hay cải biên từ tác phẩm của mình.

## **Điều 13**

*Hạn chế khả năng đối với quyền ghi âm tác phẩm âm nhạc và lời kèm theo: 1. Giấy phép bắt buộc; 2. Biện pháp tạm thời; 3. Tịch thu bản sao nhập khẩu không được tác giả cho phép*

1. Mọi Quốc gia thành viên Liên Hiệp có thể quy định những bảo lưu và điều kiện liên quan đến độc quyền tác giả của các bản nhạc, hay lời đã được tác giả cho phép phổ nhạc, đối với việc cho phép ghi âm và lời nếu có của nhạc phẩm. Tuy nhiên, mọi bảo lưu và điều kiện đó sẽ chỉ được áp dụng ở nước đặt ra quy định như vậy và dù bất kỳ trường hợp nào, không được vi phạm quyền của tác giả về việc nhận thù lao một cách cân xứng do cơ quan có thẩm quyền ấn định, nếu đôi bên không thỏa thuận được với nhau.

2. Những bản ghi nhạc phẩm đã được thực hiện trong một Quốc gia thành viên Liên Hiệp thể theo Điều 13 (3) của các Đạo luật của Công ước ký kết ở Rome ngày 2/6/1928, ở Brussels ngày 26/6/1948 có thể được sao bản trong nước mà không cần có sự đồng ý của tác giả của nhạc phẩm trong vòng thời gian là hai năm tính từ ngày Đạo luật này của Công ước có hiệu lực đối với Quốc gia đó.

3. Những bản sao được thực hiện thể theo Đoạn 1 và 2 của Điều nói đây và được nhập cảng không có sự cho phép của các người hữu quan vào một Quốc gia nơi mà các bản sao như thế không được xem là hợp pháp, thì có thể tịch thu tại chỗ.

## **Điều 14**

*Điện ảnh và quyền liên quan: 1. Phóng tác điện ảnh và sao chép; phân phối; trình diễn công cộng và truyền thông hữu tuyến công cộng tác phẩm đã phóng tác hoặc sao chép; 2. Phóng tác sản phẩm điện ảnh; không cấp giấy phép bắt buộc*

1. Tác giả các tác phẩm văn học hay nghệ thuật có độc quyền cho phép:

(i). Phóng tác và quay phim các tác phẩm của mình và cho phát hành những tác phẩm đã phóng tác hay quay phim;

(ii). Trình diễn công cộng và truyền thông quần chúng bằng đường dây những tác phẩm đã phóng tác hay quay phim.

2. Phóng tác dưới bất kỳ hình thức nghệ thuật nào những bộ phim có cốt truyện lấy từ những tác phẩm văn học hay nghệ thuật, ngoài sự cho phép của các tác giả đã thực hiện bộ phim, còn phải lệ thuộc vào sự cho phép của các tác giả của các tác phẩm nguyên tác.

3. Những quy định ở Điều 13 (1) sẽ không áp dụng ở đây.

#### **Điều 14<sup>bis</sup>**

*Qui định đặc biệt liên quan đến tác phẩm điện ảnh: 1. Coi như tác phẩm gốc; 2. Quyền sở hữu; hạn chế một số quyền của một số người đóng góp; 3. Một số người đóng góp khác*

1. Các tác phẩm điện ảnh được bảo hộ như một tác phẩm nguyên tác miễn là quyền của tác giả của các tác phẩm đã dùng để phóng tác hay sao bản được đảm bảo. Người sở hữu quyền tác giả trên tác phẩm điện ảnh được hưởng những quyền y hệt như tác giả một tác phẩm nguyên tác kể cả quyền đã nói ở Điều khoản trên đây.

2(a). Luật pháp Quốc gia nơi sự bảo hộ được áp dụng có thẩm quyền quy định những ai là người hưởng quyền tác giả đối với các tác phẩm điện ảnh.

(b) Tuy nhiên, ở những nước thành viên Liên Hiệp có Luật pháp quy định là những người sở hữu bản quyền tác giả đối với một tác phẩm điện ảnh các tác giả đã góp phần làm ra tác phẩm, thì các tác giả đó, nếu đã cam kết tham gia đóng góp như vậy, sẽ không được ngăn cản, trừ phi có quy định ngược lại hay đặc biệt nào khác, đối với việc sao bản, phát hành, công diễn, phổ biến hữu tuyến, phát sóng hay bất kỳ hình thức công bố nào khác tới công chúng, hay đối với việc làm phụ đề hay lồng tiếng tác phẩm điện ảnh.

(c) Còn về vấn đề hình thức của sự cam kết nói trên trong việc áp dụng Khoản b, hình thức đó có phải là hợp đồng thành văn hoặc một văn bản tương tự hay không, điều đó sẽ do Luật pháp của Quốc gia nơi nhà sản xuất phim đặt



trụ sở hay thường trú quy định. Tuy nhiên, luật pháp của các Quốc gia thành viên Liên Hiệp có thẩm quyền quy định là sự cam kết nói trên phải là một hợp đồng thành văn bản hay một văn bản tương tự. Những nước có Luật pháp quy định như vậy phải báo cho Tổng Giám đốc bằng văn bản tuyên bố, văn bản tuyên bố này lập tức được Tổng Giám đốc thông báo cho tất cả các nước thành viên Liên Hiệp.

(d) Những thuật ngữ "*Ngược lại hay đặc biệt*" có ý nói tắt cả mọi điều kiện hạn chế được nêu lên trong việc cam kết.

3. Trừ trường hợp Luật pháp Quốc gia thành viên quy định khác đi, còn không thì những quy định ở Đoạn 2(b) trên đây không được áp dụng đối với các tác giả của bản truyện, của đối thoại và âm nhạc đã được sáng tác cho việc thực hiện tác phẩm điện ảnh, cũng không áp dụng đối với người thực hiện chính của phim ảnh. Tuy nhiên những Quốc gia thành viên Liên Hiệp mà Luật pháp không có quy định để áp dụng Đoạn 2(b) nói trên đối với nhà thực hiện chính của phim ảnh, phải báo cho Tổng Giám đốc bằng một văn bản tuyên bố, văn bản này lập tức được Tổng Giám đốc thông báo cho tất cả các nước thành viên Liên Hiệp.

#### **Điều 14<sup>ter</sup>**

*"Droit de suite" đối với tác phẩm mỹ thuật và bản thảo viết tay: 1. Quyền hưởng lợi ích trong việc bán lại; 2. Luật áp dụng; 3. Thủ tục*

1. Về những bản chính các tác phẩm nghệ thuật và những bản viết tay chính thức của nhà văn và nhà soạn nhạc mà tác giả đã chuyển nhượng, thì tác giả hoặc sau khi tác giả chết, những cá nhân hoặc đoàn thể được sở hữu quyền tác giả theo Luật pháp Quốc gia được hưởng một quyền, không thể chuyển nhượng liên quan tới việc bán đổi các tác phẩm đó sau khi tác giả đã chuyển nhượng lần đầu.

2. Việc bảo hộ nói ở Đoạn trên đây chỉ có hiệu lực trong mỗi nước thành viên Liên Hiệp nếu luật pháp Quốc gia của tác giả thừa nhận sự bảo hộ đó và trong mức độ luật pháp Quốc gia nơi sự bảo hộ được xử lý cho phép.

3. Những thể thức và mức thu liễm bao nhiêu phải do Luật pháp của mỗi Quốc gia quy định.

#### **Điều 15**

*Quyền thực thi quyền được bảo hộ : 1. Trường hợp tên tác giả được xác định rõ hoặc khi bút danh không còn gây nghi ngờ về danh tính của tác giả; 2. Trong trường hợp tác phẩm điện ảnh; 3. Trong trường hợp tác phẩm khuyết danh hoặc*

*bút danh; 4. Trong trường hợp của một số tác phẩm chưa công bố không rõ tác giả*

1. Để tác giả các tác phẩm văn học và nghệ thuật hưởng sự bảo hộ của Công ước này được thừa nhận là tác giả và từ đó được khởi kiện những người vi phạm tác phẩm của mình trước Tòa án ở các nước thành viên Liên Hiệp, nếu không có bằng chứng ngược lại, chỉ cần có tên mình ghi trên tác phẩm theo như thông lệ. Đoạn này cũng áp dụng cả khi tên tác giả là một bút hiệu nếu bút hiệu tác giả dùng không gây nên một nghi vấn nào về danh tính thật của tác giả.

2. Được xem là nhà sản xuất điện ảnh, trừ khi có bằng chứng ngược lại, một cá nhân hay một tổ chức có tên ghi trên tác phẩm theo như thông lệ.

3. Đối với những tác phẩm khuyết danh và những tác phẩm bí danh, khác với những tác phẩm đã nói ở Đoạn một trên đây, Nhà xuất bản có tên ghi trên tác phẩm được xem là đại diện của tác giả mà không cần bằng chứng gì khác, và với tư cách này, Nhà xuất bản có thẩm quyền bảo hộ và thực thi các quyền của tác giả. Qui định của Đoạn này sẽ hết áp dụng khi mà tác giả tiết lộ danh tính và chứng minh mình là tác giả.

4 (a). Trong trường hợp những tác phẩm chưa xuất bản mà chưa biết ai là tác giả, nhưng có đủ cơ sở để cho rằng tác giả là công dân một nước thành viên Liên Hiệp, thì Luật pháp Quốc gia thành viên Liên Hiệp có khả năng chỉ định một cơ quan có thẩm quyền đại diện cho tác giả và có thẩm quyền bảo hộ và thực thi các quyền của tác giả đó trong các nước thành viên Liên Hiệp.

(b). Những Quốc gia thành viên Liên Hiệp muốn chỉ định cơ quan đại diện theo quy định này sẽ thông báo cho Tổng Giám đốc bằng một văn bản tuyên bố ghi rõ các chi tiết về cơ quan đại diện đã được chỉ định. Văn bản đó sẽ được Tổng Giám đốc lập tức thông báo cho tất cả các nước thành viên Liên Hiệp.

## **Điều 16**

*Bản sao xâm phạm: 1. Tịch thu; 2. Tịch thu khi nhập khẩu; 3. Luật áp dụng*

1. Mọi tác phẩm phi pháp có thể bị tịch thu ở những Quốc gia là thành viên Liên Hiệp, nơi tác phẩm nguyên tác được hưởng sự bảo hộ của Luật pháp.

2. Những quy định ở Đoạn trên cũng áp dụng cho những bản sao nhập từ một Quốc gia mà ở đó tác phẩm không, hoặc đã ngừng được bảo hộ.

3. Việc tịch thu sẽ được xử lý theo Luật pháp của mỗi Quốc gia.

## **Điều 17**

*Khả năng kiểm soát sự lưu thông, trình bày, triển lãm tác phẩm*

Những quy định của Công ước này không được vi phạm bất kỳ dưới hình thức nào quyền của Chính phủ của mỗi nước thành viên Liên Hiệp trong việc cho phép hoặc kiểm soát hay cấm bằng các biện pháp thuộc lập pháp hay hành pháp của Quốc gia, sự lưu hành, trình diễn hay triển lãm những tác phẩm hoặc sản phẩm này mà nhà chức trách thấy cần phải sử dụng quyền đó.

## **Điều 18**

*Tác phẩm tồn tại khi Công ước bắt đầu có hiệu lực: 1. Có thể được bảo hộ khi sự bảo hộ chưa chấm dứt tại quốc gia gốc; 2. Không thể được bảo hộ khi sự bảo hộ vốn đã hết hạn tại nước nơi có yêu cầu bảo hộ; 3. áp dụng các nguyên tắc này; Các trường hợp đặc biệt*

1. Công ước này áp dụng cho tất cả những tác phẩm chưa rơi vào lĩnh vực công cộng ở nước xuất xứ vì chưa hết hạn bảo hộ ở thời điểm Công ước này bắt đầu có hiệu lực.

2. Tuy nhiên, nếu một tác phẩm đã rơi vào lĩnh vực công cộng vì hết thời hạn bảo hộ đã quy định từ trước ở một Quốc gia nơi tác phẩm được yêu cầu bảo hộ, thì tác phẩm đó sẽ không được bảo hộ trở lại.

3. Việc áp dụng nguyên tắc trên tùy thuộc vào những Điều khoản có liên quan, trong các Hiệp định đặc biệt hiện hành hay sẽ ký kết giữa các Quốc gia thành viên Liên Hiệp. Nếu không có những Điều khoản như thế thì các Quốc gia tương ứng phải quy định cho riêng mình những thể thức để áp dụng nguyên tắc đó.

4. Những quy định nói trên cũng được áp dụng trong trường hợp những Quốc gia mới tham gia Liên Hiệp và trong trường hợp sự bảo hộ được mở rộng nhờ sự áp dụng Điều 7 hay nhờ sự bãi bỏ các bảo lưu.

## **Điều 19**

*Sự bảo hộ rộng hơn sự bảo hộ xuất phát từ Công ước*

Những quy định của Công ước không ngăn cản việc đòi hỏi được hưởng sự bảo hộ lớn hơn mà Luật pháp một Quốc gia Liên Hiệp ban hành.

## **Điều 20**

*Hiệp định riêng giữa các quốc gia thuộc liên hiệp*

Chính phủ các Quốc gia thành viên Liên Hiệp được dành quyền ký kết với nhau những thoả hiệp riêng nhằm mang lại cho tác giả những quyền rộng lớn

hơn những quyền do Công ước quy định, hoặc lập định những Điều khoản không trái ngược với Công ước. Những quy định trong các thỏa hiệp hiện hành nếu thỏa mãn các điều kiện nói trên vẫn được tiếp tục áp dụng.

## **Điều 21**

*Những qui định đặc biệt đối với nước đang phát triển: 1. Liên quan đến Phụ lục; 2. Phần Phụ lục của Đạo luật*

1. Những quy định đặc biệt dành cho các nước đang phát triển được ghi trong Phụ lục.

2. Phụ lục là một thành phần thống nhất của Đạo luật này ngoại trừ những quy định ở các Điều khoản 28.1.b.

## **Điều 22**

*Hội đồng: 1. Thành lập và thành phần; 2. Các nhiệm vụ; 3. Số thành viên tối thiểu hợp lý; bỏ phiếu; quan sát viên; 4. Triệu tập họp; 5. Nội quy*

1.(a). Liên Hiệp thành lập một Hội đồng bao gồm những nước thành viên bị ràng buộc bởi các Điều khoản từ 22 đến 26.

(b). Chính phủ của mỗi nước được đại diện bởi một đại biểu, đại biểu đó có được phụ tá bởi các đại diện dự khuyết, các cố vấn và các chuyên gia.

(c). Kinh phí của mỗi phái đoàn sẽ do Chính phủ đã bổ nhiệm phái đoàn đài thọ.

2(a). Hội đồng có trách nhiệm

i. Xem xét mọi vấn đề liên quan đến việc duy trì và phát triển Liên Hiệp cũng như việc áp dụng Công ước này;

ii. Ban bố cho Văn phòng Quốc tế về sở hữu trí tuệ (sẽ được gọi tắt là "*Phòng Quốc tế*") được nói đến trong Công ước thành lập Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (sẽ được gọi tắt là Tổ chức) những chỉ thị liên quan đến việc chuẩn bị để triệu tập những hội nghị xét lại sau khi đã tham khảo những ý kiến của các nước thành viên Liên Hiệp không bị ràng buộc bởi các Điều từ 22 đến 26.

iii. Xem xét và thông qua các bản báo cáo và các hoạt động của Tổng Giám đốc của Tổ chức liên quan đến Liên Hiệp và ban bố cho Tổng Giám đốc mọi chỉ thị cần thiết trong những vấn đề thuộc thẩm quyền Liên Hiệp;

iv. Bầu các thành viên của Ban Chấp hành Hội đồng;

v. Xem xét và thông qua các bản báo cáo và các hoạt động của Ban Chấp hành và ban bố các chỉ thị cho Ban Chấp hành;

vi. Hoạch định chương trình và thông qua ngân sách "*hai năm*" của Liên Hiệp cũng như chấp thuận bản kết toán sổ sách chi thu;

vii. Thông qua nội quy tài chính của Liên Hiệp;

viii. Thành lập các ủy ban chuyên gia và các nhóm làm việc được coi là cần thiết để thực hiện các mục tiêu của Liên Hiệp;

ix. Chỉ định những nước không là thành viên Liên Hiệp và các tổ chức liên Quốc gia và các tổ chức quốc tế phi Chính phủ có thể được mời dự các cuộc họp của Hội đồng với tư cách là quan sát viên;

x. Thông qua các sửa đổi liên quan đến các Điều từ 22 đến 26;

xi. Dùng bất kỳ các biện pháp nào khác nhằm đạt các mục tiêu của Liên Hiệp;

xii. Thực thi các quyền lợi mà Công ước thành lập tổ chức dành cho Hội đồng nếu như Hội đồng chấp nhận.

(b) Về các vấn đề có liên quan đến các Liên Hiệp khác do Tổ chức điều hành thì Hội đồng sẽ quyết sau khi đã xin ý kiến của ủy ban phối hợp của Tổ chức.

3(a) Mỗi nước thành viên của Hội đồng sẽ được sử dụng một phiếu bầu.

(b) Một nửa số thành viên Hội đồng sẽ tạo nên số đại biểu tối thiểu cần thiết để tiến hành biểu quyết.

(c) Mặc dầu có những quy định ở Khoản b, nếu trong một khoá họp, số đại biểu ít hơn một phần nửa nhưng lại bằng hay quá một phần ba tổng số các nước thành viên của Hội đồng thì Hội đồng có thể ra quyết định; Tuy nhiên, trừ các quyết định liên quan đến thủ tục của các Hội đồng, tất cả các quyết định khác sẽ chỉ có hiệu lực khi các điều kiện sau đây được thoả mãn: Phòng Quốc tế sẽ thông báo các quyết định nói trên cho các nước hội viên của Hội đồng không tham gia kỳ họp đó và yêu cầu các nước này biểu quyết bỏ phiếu hay bỏ phiếu trắng trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ghi trên thông báo. Nếu hết thời hạn đó, số các nước biểu quyết bỏ phiếu hay bỏ phiếu trắng như trên đạt được ít nhất con số còn thiếu để phiên họp đạt số đại biểu tối thiểu, thì những quyết định trên sẽ có hiệu lực miễn là có đa số phiếu thuận cần có.

(d) Ngoài những quy định ở Điều 26(2), các quyết định của Hội đồng phải đạt hai phần ba số phiếu bầu.

(e) Các phiếu trắng sẽ không được coi là phiếu bầu

(f) Một đại biểu chỉ có thể đại diện một nước và bỏ phiếu nhân danh nước đó.

(g) Các nước Liên Hiệp nếu không là thành viên của Hội đồng sẽ được tham gia các cuộc họp của Hội đồng với tư cách là quan sát viên.

4(a) Hội đồng sẽ họp khoá thường kỳ ba năm một lần theo triệu tập của Tổng Giám đốc và ngoài trường hợp đặc biệt, sẽ họp vào cùng một thời gian và ở cùng một địa điểm với Đại hội đồng của tổ chức.

(b) Hội đồng sẽ họp khoá bất thường theo sự triệu tập của Tổng Giám đốc, thể theo yêu cầu của Ban Chấp hành hay yêu cầu của một phần tư số các nước thành viên của Hội đồng.

5. Hội đồng sẽ thông qua nội quy của mình.

## **Điều 23**

*Ban Điều hành: 1. Thành lập; 2. Thành phần; 3. Số lượng thành viên; 4. Phân bổ địa lý; thoả thuận đặc biệt; 5. Thời hạn; hạn chế tái cử; quy tắc lựa chọn; 6. Nhiệm vụ; 7. Triệu tập họp; 8. Số lượng tối thiểu họp lệ; 9. Quan sát viên; 10. Nội quy*

1. Hội đồng thành lập một Ban Chấp hành

2(a). Ban Chấp hành gồm các nước được Hội đồng bầu ra trong số các nước thành viên của Hội đồng. Ngoài ra, nước nơi tổ chức đặt trụ sở, đương nhiên giữ một ghế trong Ban Chấp hành, trừ trường hợp quy định ở Điều 25.7.b.

(b) Chính phủ của mỗi nước thành viên của Ban Chấp hành được đại diện do một đại biểu, đại biểu này có thể được trợ tá bởi các đại biểu dự khuyết, các cố vấn và các chuyên gia.

(c) Kinh phí của mỗi Đoàn đại biểu sẽ do Chính phủ đã bổ nhiệm Đoàn đài thọ.

3. Số các nước thành viên Ban Chấp hành sẽ tương đương với một phần tư số các nước thành viên của Hội đồng. Khi xác định số ghế được bầu thì sau khi chia bốn, con số dư còn lại sẽ không kể.

4. Khi bầu thành viên của Ban Chấp hành, Hội đồng sẽ lưu tâm tới sự phân phối quân bình theo địa lý cũng như sự cần thiết có mặt trong Ban Chấp hành những nước đã có ký thoả hiệp riêng với nhau liên quan đến Liên Hiệp.

5(a). Mỗi thành viên của Ban Chấp hành sẽ phục vụ từ cuối kỳ họp của Hội đồng đã bầu thành viên đó cho đến lúc kết thúc khoá họp thường kỳ tiếp theo của Hội đồng.

(b) Những thành viên của Ban Chấp hành có thể được tái cử, nhưng số được tái cử không được quá hai phần ba số thành viên.

(c) Hội đồng sẽ quy định các thể thức bầu cử và tái cử các thành viên Ban Chấp hành, nếu cần.

6(a). Ban Chấp hành có trách nhiệm:

i. Dự thảo chương trình nghị sự của Hội đồng;

ii. Đề trình lên Hội đồng các đề nghị liên quan đến dự thảo chương trình hoạt động và ngân sách hai năm của Liên Hiệp đã được Tổng Giám đốc chuẩn bị;

iii. (Hết áp dụng)

iv. Đề trình lên Hội đồng và cho ý kiến về các báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, cũng như những báo cáo thường niên về việc kiểm tra sổ sách chi thu;

v. Dùng tất cả các biện pháp cần thiết để Tổng Giám đốc thực hiện đúng đắn chương trình của Liên Hiệp phù hợp với các quyết định của Hội đồng và thích ứng với hoàn cảnh xảy ra giữa hai khoá họp thường kỳ của Hội đồng;

vi. Hoàn thành tất cả những trách nhiệm khác được giao phó trong phạm vi của Công ước này.

(b) Về các vấn đề có liên quan đến các Liên Hiệp khác do Tổ chức điều hành, Ban Chấp hành sẽ quyết định sau khi xin ý kiến của Ủy ban phối hợp của Tổ chức;

7(a). Ban Chấp hành sẽ họp khoá thường kỳ mỗi năm một lần do Tổng Giám đốc triệu tập, tốt nhất là cùng một lúc và cùng một địa điểm với ủy ban phối hợp của Tổ chức;

(b) Ban Chấp hành sẽ họp khoá bất thường khi có triệu tập của Tổng Giám đốc, hoặc do chính Tổng Giám đốc đề xướng, hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ban Chấp hành hay một phần tư số thành viên trong Ban Chấp hành.

8(a). Mỗi nước thành viên Ban Chấp hành sẽ được sử dụng một phiếu bầu.

(b) Một nửa số thành viên Ban Chấp hành sẽ tạo nên số đại biểu cần thiết để tiến hành biểu quyết.

(c) Các quyết định sẽ được biểu quyết theo đa số tương đối của các phiếu bầu.

(d) Phiếu trắng sẽ không tính là một phiếu.

(e) Một đại biểu chỉ có thể đại diện cho một nước và bỏ phiếu thay mặt nước đó.

9. Các nước thành viên Liên Hiệp không là thành viên của Ban Chấp hành được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Chấp hành với tư cách quan sát viên.

10. Ban Chấp hành thông qua nội quy của mình.

## **Điều 24**

*Văn phòng Quốc tế: 1. Nhiệm vụ chung, Tổng Giám đốc; 2. Thông tin chung; 3. Tạp chí; 4. Thông tin tới các nước; 5. Nghiên cứu và dịch vụ; 6. Tham dự họp; 7. Hội nghị sửa đổi; Các nhiệm vụ khác.*

1(a). Các nhiệm vụ hành chính của Liên Hiệp sẽ do Văn phòng Quốc tế đảm nhiệm, Văn phòng này kế thừa Văn phòng Liên Hiệp, liên kết với Văn phòng của Liên Hiệp được thiết lập do Công ước quốc tế về việc bảo hộ sở hữu công nghiệp.

(b). Phòng Quốc tế chủ yếu phụ trách công việc văn phòng cho tất cả các cơ quan của Liên Hiệp.

(c). Tổng Giám đốc của Tổ chức là vị công chức cao cấp nhất của Liên Hiệp và là đại diện của Liên Hiệp.

2. Phòng Quốc tế sẽ thu thập và phổ biến các thông tin liên quan đến việc bảo hộ quyền tác giả. Mỗi nước thành viên Liên Hiệp sẽ thông báo hết sức nhanh chóng cho Phòng Quốc tế tất cả các luật lệ mới cũng như các văn bản của Nhà nước liên quan đến việc bảo hộ quyền tác giả.

3. Phòng Quốc tế sẽ xuất bản một tạp chí định kỳ hàng tháng.

4. Phòng Quốc tế sẽ cung cấp cho các nước thành viên Liên Hiệp nếu có sự yêu cầu những thông tin về các vấn đề có liên quan đến việc bảo hộ quyền tác giả.

5. Phòng Quốc tế sẽ tiến hành việc nghiên cứu và cung cấp dịch vụ nhằm tạo thuận lợi cho việc bảo hộ quyền tác giả.

6. Tổng Giám đốc và những nhân viên do Tổng Giám đốc chỉ định sẽ tham gia mà không có quyền bỏ phiếu vào tất cả các cuộc họp của Hội đồng, của Ban Chấp hành và của các Ủy ban chuyên gia hay nhóm làm việc khác. Tổng Giám đốc hay nhân viên do Tổng Giám đốc chỉ định sẽ đương nhiên là thư ký của các cơ quan này.

7 (a). Phòng Quốc tế lo việc chuẩn bị các Hội nghị để xét lại các Điều khoản của Công ước ngoại trừ các Điều khoản từ 22 đến 26, thể theo những chỉ thị của Hội đồng và với sự cộng tác của Ban Chấp hành.

(b). Phòng Quốc tế có thể tham khảo ý kiến các Tổ chức liên Chính phủ và các Tổ chức quốc tế phi Chính phủ về việc chuẩn bị các Hội nghị sửa đổi.

(c). Tổng Giám đốc và những người do Tổng Giám đốc chỉ định sẽ tham gia vào các cuộc thảo luận ở các Hội nghị đó, nhưng không có quyền bỏ phiếu.

8. Phòng Quốc tế sẽ thi hành bất kỳ nhiệm vụ nào khác đã được giao cho mình.

## **Điều 25**

*Tài chính: 1. Ngân sách; 2. Phối hợp với các Liên hiệp khác; 3. Nguồn; 4. Phân phối; khả năng tăng thêm ngân sách theo năm trước; 6. Lệ phí và khoản thu; 6.*



*Quy hoạt động; 7. Ưu đãi của Chính phủ nước chủ nhà; 8. Kiểm toán sổ sách kế toán*

1(a). Liên Hiệp sẽ có một ngân sách

(b). Ngân sách của Liên Hiệp gồm số thu và số chi riêng của Liên Hiệp cùng với phần đóng góp của Liên Hiệp cho ngân sách chi tiêu chung của các Liên Hiệp và khoản tiền nếu có, dành cho ngân sách của Hội nghị của Tổ chức.

(c). Được coi là các khoản chi tiêu chung của các Liên Hiệp, những khoản chi tiêu không chỉ dành riêng cho một mình Liên Hiệp mà còn cho cả một hoặc nhiều Liên Hiệp khác cùng do Tổ chức điều hành. Phần của Liên Hiệp trong các khoản chi tiêu chung sẽ cân xứng với những lợi ích do sự chi tiêu này mang lại cho Liên Hiệp.

2. Ngân sách của Liên Hiệp được hoạch định tùy theo những đòi hỏi về sự phối hợp với các ngân sách của các Liên Hiệp khác cùng do Tổ chức điều hành.

3. Ngân sách của Liên Hiệp sẽ được tài trợ do những nguồn lợi sau đây:

i. Những đóng góp của các nước thành viên Liên Hiệp;

ii. Các phụ phí và các khoản thù lao do những dịch vụ của Phòng Quốc tế liên quan đến Liên Hiệp;

iii. Tiền bán các xuất bản phẩm của Phòng Quốc tế có liên quan đến Liên Hiệp và các quyền trên các sản phẩm đó;

iv. Tiền biếu, tặng theo chúc thư và tiền trợ cấp;

v. Tiền cho thuê, tiền lợi tức và tiền thu nhập các khoản khác.

4(a). Để quy định phần đóng góp của mình cho ngân sách, mỗi nước thành viên của Liên Hiệp được xếp vào một hạng và sẽ trả tiền niên liễm của mình trên cơ sở số lượng đơn vị đóng góp ấn định như sau:

Hạng 1: 25

Hạng 2: 20

Hạng 3: 15

Hạng 4: 10

Hạng 5: 5

Hạng 6: 3

Hạng 7: 1

(b). Nếu như chưa có sự định đoạt trước đó thì khi nộp văn bản phê chuẩn hay gia nhập, mỗi nước sẽ nêu rõ mình muốn được xếp vào hạng nào. Mỗi nước có thể thay đổi thứ hạng. Nếu chọn một hạng thấp hơn thì phải thông báo cho Hội đồng biết vào một trong các khoá họp thường kỳ của Hội đồng. Sự thay đổi như thế sẽ có hiệu lực vào đầu năm sau kỳ họp đó.

(c). Niên liễm của mỗi nước sẽ là một khoản tiền có tỷ lệ với tổng số tiền do tất cả các nước đóng góp vào ngân sách hàng năm, tương đương với tỷ lệ giữa các số đơn vị của thứ hạng nước đó chọn với tổng số các đơn vị của tất cả các nước.

(d). Kỳ hạn đóng góp là ngày 1 tháng 1 mỗi năm.

(e). Nước không đóng góp niên liễm của mình thì sẽ không được bỏ phiếu ở bất kỳ cơ quan nào của Liên Hiệp mà nước đó là thành viên, nếu số tiền còn thiếu đó tương đương hoặc lớn hơn số niên liễm nước đó phải đóng trong trọn hai năm vừa qua. Tuy nhiên, bất kỳ một cơ quan nào của Liên Hiệp đều có thể cho phép nước đó tiếp tục được bỏ phiếu ở cơ quan đó, và nếu chừng nào cơ quan nhận thấy sự chậm trễ trong việc trả tiền đóng góp là do hoàn cảnh đặc biệt và không thể tránh khỏi.

(f). Trong trường hợp một ngân sách không được thông qua trước khi bắt đầu niên khoá mới, thì ngân sách năm trước sẽ tiếp tục được áp dụng phù hợp với thể thức đã nêu trong nội quy tài chính.

5. Bảng giá các phụ phí và số tiền phải trả cho các dịch vụ của Phòng Quốc tế có liên quan đến Liên Hiệp sẽ được Tổng Giám đốc quy định và báo cáo lên Hội đồng và Ban Chấp hành.

6(a). Liên Hiệp có một quỹ luân lưu do một đóng góp duy nhất của mỗi nước thuộc Liên Hiệp, nếu quỹ thiếu hụt thì Hội đồng sẽ quyết định bổ sung.

(b). Số lượng đóng góp lúc ban đầu hoặc lúc bổ sung cho quỹ nói trên của mỗi nước sẽ tỷ lệ với phần đóng góp của nước đó trong năm quỹ được thành lập hay bổ sung.

(c). Tỷ lệ và thể thức đóng tiền sẽ do Hội đồng quy định theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sau khi xin ý kiến ủy ban phối hợp của Tổ chức.

7(a). Thoả hiệp về trụ sở được ký kết với Nhà nước sở tại của Tổ chức quy định rằng, nếu quỹ luân lưu thiếu hụt, nước sở tại sẽ ứng một số tiền. Mức tiền ứng trước và điều kiện cung cấp tiền sẽ được quy định trong thoả thuận riêng giữa nước sở tại và Tổ chức chừng nào nước sở tại còn có nhiệm vụ ứng tiền trước, thì nước đó đương nhiên có một ghế trong Ban Chấp hành.

(b). Nước nói ở Đoạn a và Tổ chức, mỗi bên đều có quyền tuyên bố bãi bỏ cam kết cung cấp tiền ứng trước đó bằng một văn bản thông báo. Việc bãi bỏ sẽ có hiệu lực sau ba năm kể từ cuối năm đưa ra thông báo bãi bỏ.

8. Việc kiểm tra các sổ sách kế toán sẽ được đảm nhiệm phù hợp với những quy định của nội qui tài chính bởi một hoặc nhiều nước Liên Hiệp hoặc bởi những viên thanh tra bên ngoài được Hội đồng chỉ định với sự chấp nhận của đương sự.

## **Điều 26**

*Sửa đổi: 1. Các điều thuộc quyền sửa đổi của Hội đồng đề nghị; 2. Thông qua; 3. Có hiệu lực*

1. Các đề nghị để sửa đổi các Điều 22, 23, 24, 25 và Điều khoản này có thể được đưa ra do bất kỳ nước thành viên Hội đồng nào hay do Ban Chấp hành hoặc do Tổng Giám đốc. Những đề nghị này sẽ được Tổng Giám đốc thông báo cho các nước thành viên của Hội đồng ít nhất là sáu tháng trước khi đưa ra Hội đồng xem xét.

2. Mọi sửa đổi các Điều nói ở Đoạn (1) sẽ do Hội đồng thông qua. Để được thông qua phải đạt ba phần tư số phiếu bầu, riêng những sửa đổi Điều 22 và Đoạn này, để thông qua phải đạt bốn phần năm phiếu bầu.

3. Mọi sửa đổi ở các Điều nói ở Đoạn (1) sẽ có hiệu lực một tháng sau khi Tổng Giám đốc nhận được các văn bản thông báo chấp thuận của ba phần tư số nước thành viên của Hội đồng ở thời điểm sự sửa đổi đó được thông qua, theo đúng với các quy định của mỗi nước. Mọi sửa đổi các Điều khoản nói trên, một khi được chấp thuận như thế sẽ ràng buộc tất cả các nước đã là thành viên của Hội đồng vào thời điểm sự thay đổi sự thay đổi đó có hiệu lực hay sẽ là thành viên sau đó. Riêng những thay đổi về việc tăng các nghĩa vụ tài chính cho các nước Liên Hiệp thì chỉ ràng buộc những nước đã thông báo rằng mình chấp thuận sửa đổi đó.

## **Điều 27**

*Sửa đổi: 1. Mục đích; 2. Hội nghị; 3. Thông qua*

1. Công ước này có thể được đệ trình để sửa đổi với mục đích đưa vào những cải tiến để kiện toàn hệ thống của Liên Hiệp.

2. Các cuộc hội nghị tập hợp các đại biểu của các Liên Hiệp nhằm mục đích trên sẽ lần lượt được họp tại một trong những nước Liên Hiệp.

3. Ngoài những quy định ở Điều 26 áp dụng cho việc sửa đổi các Điều từ 22 đến 26, bất kỳ sự điều chỉnh nào của Đạo luật này kể cả Phụ lục phải đạt được sự nhất trí của các phiếu bầu.

## **Điều 28**

*Chấp thuận và bắt đầu có hiệu lực của Đạo luật đối với các nước thuộc Liên hiệp: 1. Phê chuẩn, gia nhập; khả năng loại trừ một số qui định; bãi bỏ loại trừ; 2. Có hiệu lực của các Điều từ 1-21 và Phụ lục; 3. Có hiệu lực các Điều từ 22-38*

1(a). Mỗi nước Liên Hiệp đã ký Đạo luật này có thể phê chuẩn Đạo luật, và nếu không ký có thể gia nhập Đạo luật. Các văn bản phê chuẩn hay gia nhập đều phải gửi cho Tổng Giám đốc.

(b) Mỗi thành viên của Liên Hiệp có thể tuyên bố trong văn bản phê chuẩn hay gia nhập rằng sự phê chuẩn hay gia nhập đó không áp dụng cho các Điều từ 1 đến 21 và cho Phụ lục. Tuy nhiên, nếu nước đó có tuyên bố thể theo Điều khoản VI.1 của Phụ lục thì chỉ cần tuyên bố trong văn bản trên rằng sự phê chuẩn hay gia nhập của mình sẽ không áp dụng cho các Điều từ 1 đến 20.

(c) Mỗi nước Liên Hiệp mỗi khi đã loại trừ các Điều khoản đã nói trên Đoạn (b) trong bản phê chuẩn hay gia nhập, thể theo Đoạn nhỏ đó thì về sau, bất kỳ lúc nào cũng có thể tuyên bố rằng mình nói rộng tầm hiệu lực của sự phê chuẩn hay sự gia nhập của mình cho những Điều khoản này. Điều tuyên bố đó sẽ gửi cho Tổng Giám đốc.

2(a). Các Điều khoản từ 1 đến 21 và Phụ lục sẽ có hiệu lực ba tháng sau khi hai điều kiện sau đây được thoả mãn:

i. Có ít nhất là 5 nước thành viên Liên Hiệp đã phê chuẩn hoặc gia nhập Đạo luật này mà không có tuyên bố thể theo Đoạn 1(b);

ii. Các nước Pháp, Tây Ban Nha, Anh và Bắc áĩ Nhĩ Lan, và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã bị ràng buộc bởi Công ước Thế giới về bản quyền đã được điều chỉnh tại Paris ngày 24/7/1971.

(b) Việc có hiệu lực nói ở Đoạn (a) được thể hiện cho những nước Liên Hiệp đã gửi văn bản phê chuẩn hay gia nhập không có tuyên bố theo Đoạn 1(b), ít nhất là 3 tháng trước khi hiệu lực nói trên bắt đầu.

(c) Đối với những thành viên của Liên Hiệp không thuộc diện nói ở Đoạn b, khi phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật này mà không có tuyên bố thể theo Đoạn 1(b), thì các Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục sẽ có hiệu lực ba tháng sau ngày Tổng Giám đốc thông báo việc gửi văn thư phê chuẩn hay gia nhập nói trên, trừ khi trong văn kiện đó có nêu rõ một ngày khác sau thời hạn nói trên. Ngày nêu rõ trong trường hợp này sẽ là ngày các Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục có hiệu lực đối với nước đó.

(d) Các quy định của các Đoạn từ (a) đến (c) không ảnh hưởng tới việc áp dụng Điều VI của Phụ lục.

3. Đối với những nước thành viên của Liên Hiệp đã phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật này dù có hoặc không tuyên bố thể theo Điều 1.b, các Điều từ 22 đến 38 sẽ có hiệu lực ba tháng sau ngày Tổng Giám đốc thông báo đã nhận được văn kiện phê chuẩn hay gia nhập nói trên, trừ khi trong văn kiện đó có nêu rõ một ngày khác sau thời hạn nói trên. Ngày được nêu rõ trong trường hợp này sẽ là ngày các Điều từ 22 đến 38 sẽ có hiệu lực đối với nước đó.

## **Điều 29**

*Chấp thuận và có hiệu lực đối với nước ngoài liên hiệp: 1. Gia nhập; 2. Có hiệu lực.*

1. Các nước ngoài Liên Hiệp có thể gia nhập Đạo luật này và do đó tham gia vào Công ước và là thành viên của Liên Hiệp, văn kiện gia nhập sẽ gửi cho Tổng Giám đốc.

2(a). Trừ trường hợp nói ở Đoạn (b) dưới đây, Công ước này sẽ có hiệu lực đối với một nước ngoài Liên Hiệp ba tháng sau khi Tổng Giám đốc thông báo việc đã nhận được văn kiện gia nhập của nước đó, trừ khi trong văn kiện này có nêu rõ một ngày khác sau thời hạn trên. Ngày được nêu rõ trong trường hợp này sẽ là ngày Công ước có hiệu lực đối với nước đó.

(b) Nếu việc bắt đầu có hiệu lực thể theo Đoạn (a) lại xảy ra trước khi bắt đầu có hiệu lực của các Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục thể theo Điều 28.2(a), thì nước nói trên, trong khoảng cách giữa hai thời gian đó, sẽ bị ràng buộc bởi các Điều từ 1 đến 20 của Đạo luật Brussels thay vì các Điều khoản từ 1 đến 21 và Phụ lục của Đạo luật này.

## **Điều 29<sup>Bis</sup>**

*ảnh hưởng của việc chấp thuận Đạo luật nhằm áp dụng Điều 14(2) của Công ước WIPO*

Với mục đích duy nhất là để có thể áp dụng Điều 14.2 của Công ước thành lập Tổ chức, việc phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật này của một nước không bị ràng buộc bởi các Điều từ 22 tới 38 của Đạo luật Stockholm của Công ước này sẽ được coi là phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật Stockholm nói trên với những giới hạn nêu trong Điều 28.1.(b).(i) của Đạo luật đó.

## **Điều 30**

*Bảo lưu: 1. Các hạn chế khả năng đưa ra bảo lưu; 2. Các bảo lưu trước; bảo lưu quyền dịch; rút lại bảo lưu*

1. Trừ những ngoại lệ được cho phép ở Đoạn 2 của Điều khoản này và các Điều khoản 28.1(b); 33.2 và Phụ lục, việc phê chuẩn hay gia nhập hàm chứa sự chấp thuận toàn vẹn các quy định và thừa hưởng tất cả những quyền lợi đã nói trong Công ước này.

2(a). Một nước Liên Hiệp khi phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật này, thì ngoài những quy định của Điều V.2 của Phụ lục này có thể vẫn giữ bảo lưu mà nước

đó đã lập định trước kia với điều kiện là phải tuyên bố điều đó khi nộp văn kiện phê chuẩn hay gia nhập của mình.

(b). Mỗi nước ngoài Liên Hiệp khi gia nhập Công ước này ngoại trừ quy định ở Điều V.2 của Phụ lục , có khả năng tuyên bố rằng mình quyết định ít ra là tạm thời, thay thế Điều 8 của Đạo luật này liên quan đến quyền dịch bằng những quy định của Điều 5 của Công ước của Liên Hiệp năm 1886 được bổ sung ở Paris năm 1896 với nhận thức rõ ràng rằng những quy định nói trên chỉ áp dụng cho việc dịch sang một ngôn ngữ thông dụng trong nước đó. Ngoại trừ quy định ở Điều I.6.b của Phụ lục , mọi nước đều có quyền áp dụng một sự bảo hộ tương đương với sự bảo hộ ở các nước có bảo lưu nói trên đối với quyền dịch các tác phẩm có nước gốc là nước áp dụng bảo lưu đó.

(c). Mỗi nước đều có thể rút lui những bảo lưu nói trên bất kỳ lúc nào bằng việc thông báo cho Tổng Giám đốc.

### **Điều 31**

*Khả năng áp dụng đối với một số vùng lãnh thổ: 1. Tuyên bố; 2. Rút tuyên bố; 3. Ngày có hiệu lực; 4. Chấp nhận các thực trạng hiện hành không chủ định*

1. Mỗi nước đều có thể tuyên bố trong văn bản phê chuẩn hay gia nhập hoặc về sau, vào bất kỳ lúc nào, gửi bản thông báo lên Tổng Giám đốc, khẳng định rằng Công ước này sẽ áp dụng cho toàn bộ hay một phần những lãnh thổ được nêu rõ, nơi mà nước đó đảm nhiệm những quan hệ đối ngoại.

2. Những nước đã tuyên bố hay gửi thông báo trên có thể, bất kỳ lúc nào, thông báo cho Tổng Giám đốc rằng Công ước này hết được áp dụng cho toàn bộ hay một phần những lãnh thổ đó.

3(a). Việc tuyên bố nói ở Đoạn 1 sẽ có hiệu lực vào cùng một ngày với sự phê chuẩn hay gia nhập mà trong văn bản có bao hàm lời tuyên bố, còn sự thông báo thể theo Đoạn 1 sẽ có hiệu lực ba tháng sau khi Tổng Giám đốc thông báo điều đó.

(b). Những thông báo nói ở Đoạn 2 sẽ có hiệu lực 12 tháng sau khi Tổng Giám đốc nhận được thông báo.

4. Điều khoản này sẽ không được giải thích như là hàm chứa việc thừa nhận hay việc mặc nhiên công nhận bởi bất kỳ nước nào thuộc Liên Hiệp, thực trạng hiện hành của những lãnh thổ được áp dụng Công ước nhờ việc tuyên bố thể theo Đoạn 1 của một nước Liên Hiệp khác.

### **Điều 32**

*áp dụng Đạo luật này và các Đạo luật đã ký trước: 1. Giữa các nước vốn đã là thành viên của Liên hiệp; 2. Giữa nước trở thành thành viên của Liên hiệp và các nước Thành viên khác của Liên hiệp; 3. áp dụng Phụ lục trong mỗi quan hệ cụ thể*

1. Đạo luật này thay thế Công ước Berne ký ngày 9/9/1886 và những Đạo luật được hoàn chỉnh kế tiếp, trong những quan hệ giữa các nước Liên Hiệp và trong giới hạn Đạo luật này được áp dụng. Các Đạo luật đã có hiệu lực trước đây tiếp tục được áp dụng toàn bộ hay trong mức độ mà đạo luật này không thay thế theo câu trên đây, trong những quan hệ giữa các nước thuộc Liên Hiệp nhưng chưa phê chuẩn hoặc gia nhập Đạo luật này.

2. Những nước ngoài Liên Hiệp khi gia nhập Đạo luật này, trừ những quy định ở Đoạn 3 dưới đây, sẽ áp dụng Đạo luật này trong quan hệ với bất cứ nước thành viên nào của Liên Hiệp chưa bị ràng buộc bởi Đạo luật này hoặc là bị ràng buộc nhưng có tuyên bố thể theo Điều 28.1(b). Các nước mới gia nhập này thừa nhận để các nước nói trên trong quan hệ với mình.

i. áp dụng các Điều khoản của Đạo luật mới nhất mà nước đó bị ràng buộc;

ii. trừ Điều 1.6 của Phụ lục, có quyền thích ứng sự bảo hộ để đạt tới mức độ quy định bởi Đạo luật này

3. Một nước đã tuyên bố sử dụng bất kỳ khả năng nào đã quy định trong Phụ lục, có thể áp dụng các quy định của Phụ lục liên quan tới khả năng hay những khả năng mà nước đó đã chọn, trong quan hệ giữa mình và những nước Liên Hiệp khác không bị Đạo luật này ràng buộc với điều kiện là những nước đó đồng ý áp dụng những quy định nói trên.

### **Điều 33**

*Tranh chấp: 1. Thẩm quyền xét xử của Tòa án Quốc tế; 2. Bảo lưu đối với thẩm quyền này; 3. Rút bảo lưu.*

1. Mọi tranh chấp giữa hai hay nhiều nước thành viên Liên Hiệp liên quan đến cách giải thích hoặc áp dụng Công ước này mà không giải quyết được bằng thương lượng, có thể một trong những nước hữu quan đưa ra Tòa án công lý quốc tế bằng cách nộp đơn khiếu nại theo đúng quy định của Tòa án, trừ khi các nước này thoả thuận tìm một cách giải quyết khác. Nước nguyên cáo sẽ thông báo cho Phòng Quốc tế về những tranh chấp đã đưa ra Tòa và Phòng Quốc tế sẽ thông báo cho các nước thành viên Liên Hiệp.

2. Mỗi nước, khi ký kết hay đệ trình văn bản phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật này, có thể tuyên bố mình không chịu ràng buộc bởi những quy định ở Đoạn 1. Trong những tranh chấp giữa nước đó với những nước thành viên Liên Hiệp khác sẽ không áp dụng quy định ở Đoạn 1.

3. Một nước đã ra tuyên bố thể theo quy định ở Đoạn 2 có thể vào bất kỳ lúc nào rút lui tuyên bố đó bằng cách gửi thông báo cho Tổng Giám đốc.

### **Điều 34**

*Khoá các quy định trước: 1. Các đạo luật trước; 2. Hiệp định thư của đạo luật Stockholm*

1. Một khi các Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục bắt đầu có hiệu lực, thì trừ quy định ở Điều 29<sup>bis</sup>, không một nước nào có thể gia nhập hoặc phê chuẩn những Đạo luật trước đó của Công ước.

2. Sau khi các Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục đã có hiệu lực, không nước nào có thể ra tuyên bố theo Điều 5 của bản Nghị định thư liên quan đến các nước đang phát triển, phụ đính của Đạo luật stockholm.

### **Điều 35**

*Thời hạn của Công ước, rút khỏi Công ước: 1. Không hạn định thời hạn; 2. Khả năng rút khỏi công ước; 3. Ngày có hiệu lực của việc rút khỏi công ước; 4. Thời gian rút khỏi công ước.*

1. Công ước này có hiệu lực không hạn định.

2. Mỗi nước có thể rút khỏi Đạo luật này bằng việc gửi thông báo cho Tổng Giám đốc. Sự rút lui này đồng thời cũng là từ bỏ tất cả những Đạo luật trước đó và chỉ có hiệu quả đối với nước rút lui, còn Công ước thì vẫn có hiệu lực và được thực thi đối với những nước thành viên Liên Hiệp khác.

3. Việc rút lui có hiệu lực một năm sau ngày Tổng Giám đốc nhận được bản thông báo.

4. Không một nước nào được sử dụng khả năng rút lui quy định trong Điều khoản này trước khi hết thời hạn 5 năm kể từ ngày nước đó trở thành thành viên Liên Hiệp.

### **Điều 36**

*áp dụng công ước: 1. Nghĩa vụ ban hành các biện pháp cần thiết; 2. Thời điểm nghĩa vụ tồn tại.*



1. Mỗi nước thành viên Liên Hiệp sẽ cam kết ban hành những biện pháp cần thiết phù hợp với quy luật Quốc gia, nhằm đảm bảo việc áp dụng Công ước này.

2. Có thoả thuận rằng tại thời điểm một nước bắt đầu bị ràng buộc bởi Công ước này nước đó sẽ ở trong tình trạng thực hiện được các quy định của Công ước này theo luật quốc gia của mình.

### **Điều 37**

*Điều khoản cuối cùng: 1. Ngôn ngữ của Đạo luật; 2. Ký kết; 3. Bản sao có xác nhận; 4. Đăng ký; 5. Thông báo.*

1(a). Đạo luật này được ký thành một bản duy nhất bằng tiếng Pháp và tiếng Anh, trừ quy định ở Đoạn 2, sẽ được lưu chiếu nơi Tổng Giám đốc.

(b). Các văn bản chính thức sẽ được Tổng Giám đốc thiết lập sau khi tham khảo các Chính phủ liên quan, bằng các thứ tiếng ả- Rập, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, và tiếng Italia và với các thứ tiếng khác do Hội đồng chỉ định.

(c). Trong trường hợp có sự bất đồng ý kiến về cách giải thích các văn bản khác nhau, văn bản tiếng Pháp được lấy làm chuẩn.

2. Đạo luật này được đề ra cho các nước ký cho đến ngày 31 tháng 1 năm 1972. Cho đến ngày đó, văn bản nói ở Đoạn 1.a sẽ được lưu chiếu tại Chính phủ Cộng hoà Pháp.

3. Tổng Giám đốc sẽ chuyển hai bản sao có chứng thực sao y bản chính của văn bản đã được ký của Đạo luật này cho Chính phủ của tất cả các nước thành viên Liên Hiệp và cho Chính phủ của các nước khác nếu có yêu cầu.

4. Tổng Giám đốc sẽ đăng ký Đạo luật này tại Ban thư ký của Liên Hiệp Quốc.

5. Tổng Giám đốc sẽ thông báo cho Chính phủ của tất cả các nước thành viên Liên Hiệp về các ký kết, những lưu chiếu văn bản phê chuẩn hay gia nhập và những tuyên bố có trong các văn bản đó hay những tuyên bố thể theo các Điều 28.1(c); 30.2(a) và (b) và Điều 32.2, về sự bắt đầu có hiệu lực của các Điều khoản của Đạo luật này, những thông báo rút lui và những thông báo thể theo các Điều 30.2(c); 31.1 và 2; 33.3 và 38.1 và những thông báo nói ở trong Phụ lục.

### **Điều 38**

*Các quy định chuyển tiếp: 1. Thực thi “năm năm độc quyền”; 2. Văn phòng của Liên hiệp, Giám đốc của văn phòng; 3. Kế thừa của Văn phòng của Liên hiệp*

1. Những nước thành viên của Liên Hiệp chưa phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật và chưa bị ràng buộc bởi các Điều từ 22 đến 26 của Đạo luật Stockholm, nếu muốn, có thể thực thi cho tới ngày 26/4/1975 các quyền lợi được quy định trong các Điều nói trên như thể đã bị các Điều đó ràng buộc. Nước nào muốn thực thi những quyền lợi đó sẽ gửi đến Tổng Giám đốc một văn bản thông báo có hiệu lực ngay sau khi nhận được, những nước đó sẽ được xem là thành viên của Hội đồng cho đến thời hạn nói trên.

2. Chừng nào mà tất cả các nước thành viên Liên Hiệp chưa trở thành thành viên chính thức của Tổ chức, thì Văn Phòng quốc tế của Tổ chức cũng làm nhiệm vụ Văn phòng của Liên Hiệp và Tổng Giám đốc là Giám đốc Văn phòng.

3. Một khi tất cả các nước thành viên Liên Hiệp đã là thành viên của Tổ chức thì các quyền lợi, nghĩa vụ và tài sản của Văn Phòng Liên Hiệp sẽ quy tụ cả về Văn phòng quốc tế của Tổ chức.

## Phụ lục

(Kèm theo Công ước Berne về Bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật)

### Điều I

*Lựa chọn dành cho nước đang phát triển: 1. Khả năng lựa chọn; việc tuyên bố; 2. Thời hạn hiệu lực của tuyên bố; 3. Chấm dứt tình trạng nước đang phát triển; 4. Bản sao còn trong kho; 5. Tuyên bố liên quan đến một số vùng lãnh thổ; 6. Hạn chế về sự có đi có lại*

1. Những nước được coi là nước đang phát triển theo tập quán của Đại hội đồng Liên Hiệp quốc, khi phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật này mà Phụ lục là một thành phần đồng nhất và vì tình hình kinh tế cũng như những nhu cầu về văn hoá hay xã hội, thấy trong hiện tại, mình chưa đủ khả năng để quy định đảm bảo tất cả những quyền nói trong Đạo luật này, thì nước đó có thể nộp cho Tổng Giám đốc một bản thông báo vào lúc gửi văn bản phê chuẩn hay gia nhập của mình, hoặc, trừ trường hợp nói ở Điều V.1.c, vào một thời điểm nào khác sau đó, tuyên bố là mình sẽ sử dụng khả năng được quy định ở Điều II hay khả năng quy định ở Điều III hoặc, là cả hai khả năng đó. Nước nói trên có thể thay vì tuyên bố hưởng khả năng quy định ở Điều II, ra tuyên cáo thể theo Điều V.1.a.

2(a). Mọi tuyên bố thể theo quy định ở Đoạn 1 và được thông báo trước khi hết một thời hạn là 10 năm, kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực của những Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục này thể theo Điều 28.2, sẽ có giá trị cho đến hết thời hạn nói trên. Tuyên bố đó có thể được gia hạn toàn bộ hay một phần cho mỗi thời hạn 10 năm tiếp theo, bằng một thông báo nộp cho Tổng Giám đốc không quá 15 tháng nhưng không ít hơn 3 tháng trước khi hết thời hạn 10 năm hiện hành.

(b) Mọi tuyên bố theo Đoạn 1 được thông báo sau khi hết thời hạn 10 năm kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực của các Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục này thể theo Điều 28.2 sẽ có giá trị cho đến khi hết thời hạn 10 năm hiện hành. Tuyên bố đó có thể được gia hạn như đã quy định trong câu thứ hai của Đoạn nhỏ a trên đây.

3. Những nước thành viên Liên Hiệp đã không còn được coi là nước đang phát triển thể theo Đoạn 1 sẽ không còn quyền gia hạn tuyên bố của mình như đã quy định ở Đoạn 2 và dù có chính thức rút lui tuyên bố hay không, nước đó sẽ không còn có thể sử dụng các khả năng được nêu trong Đoạn 1 kể từ ngày hết hạn thời gian 10 năm hiện hành hoặc sau khi hết thời hạn ba năm kể từ ngày nước đó không còn được coi là nước đang phát triển. Hai thời hạn đó thời hạn nào dài hơn sẽ được áp dụng.

4. Nếu vào thời điểm tuyên bố thể theo Đoạn 1 hay 2 không còn giá trị nữa, nhưng còn tồn tại một số phiên bản đã được sản xuất nhờ vào giấy phép được cấp thể theo quy định của Phụ lục này, thì những phiên bản đó sẽ có thể được tiếp tục lưu hành cho đến khi hết.

5. Những nước bị ràng buộc bởi những quy định của Đạo luật này và đã nộp một tuyên bố hay một thông báo thể theo Điều 31.1 về việc áp dụng Đạo luật cho một lãnh thổ riêng biệt có tình trạng được coi là tương tự với tình trạng các nước nói ở Đoạn 1 đều có thể tuyên bố theo Đoạn 1 và thông báo gia hạn theo giai Đoạn 2 đối với lãnh thổ đó trong thời gian tuyên bố hay thông báo này còn có giá trị thì các quy định của các Phụ lục được áp dụng cho lãnh thổ đã nói.

6(a). Sự kiện một nước sử dụng bất kỳ khả năng nào đã được nêu trong Đoạn 1 không cho phép một nước khác được giảm sự bảo hộ dưới mức bó buộc thể theo các Điều khoản từ 1 đến 20 đối với các tác phẩm có nước gốc là nước đã nêu ở trên.

(b). Khả năng đối xử có đi có lại được quy định ở Điều 30.2.b câu thứ hai sẽ không được áp dụng với các tác phẩm có nước gốc là nước đã ta tuyên bố thể theo Điều V.1.a cho đến khi hết thời hạn quy định ở Điều I.3.

## **Điều II**

*Hạn chế quyền dịch: 1. Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp; 2. đến 4. Điều kiện để cấp giấy phép; 5. Có thể cấp giấy phép cho những mục đích nào; 6. Kết thúc giấy phép; 7. Tác phẩm chủ yếu bao gồm minh họa; 8. Tác phẩm rút khỏi lưu thông; 9. Giấy phép dành cho tổ chức phát sóng*

1. Đối với các tác phẩm đã xuất bản dưới dạng in ấn hay các dạng sao in tương tự, một nước đã tuyên cáo là sẽ áp dụng khả năng nêu trong Điều khoản này, được phép thay thế độc quyền dịch quy định trong Điều 8 bằng một quy chế giấy phép không độc quyền và bất khả nhượng, do nhà chức trách có thẩm quyền cấp, theo các điều kiện dưới đây và phù hợp với Điều IV.

2(a). Trừ điều quy định ở Đoạn 3, sau khi mãn hạn 3 năm hay một thời hạn dài hơn do luật pháp Quốc gia nói trên quy định kể từ lần xuất bản đầu tiên của tác phẩm, nếu người sở hữu quyền dịch không dịch hoặc cho phép dịch tác phẩm sang một ngôn ngữ thông dụng trong nước đó, thì bất kỳ công dân nào của nước nói trên có thể xin được giấy phép để dịch tác phẩm đó sang ngôn ngữ đã nói và xuất bản bản dịch đó dưới dạng in ấn hay các dạng sao in tương tự.

(b). Giấy phép cũng có thể được cấp theo Điều khoản này nếu tất cả những ấn bản của bản dịch sang thứ tiếng nói trên đã tiêu thụ hết.

3(a). Trong trường hợp dịch sang một thứ tiếng không thông dụng trong một hay nhiều nước phát triển thành viên Liên Hiệp, thì thời hạn một năm sẽ thay thế cho thời hạn ba năm nói ở Đoạn 2.a.

(b). Với sự chấp thuận của toàn bộ các nước phát triển là thành viên Liên Hiệp có cùng một ngôn ngữ thông dụng chung, một nước nêu ở Đoạn 1 trên đây có thể trong trường hợp dịch sang ngôn ngữ đó, thay thế thời hạn 3 năm được nói trong Đoạn 2.a bằng một thời hạn ngắn hơn được ấn định do sự thoả thuận trên, tuy nhiên thời hạn đó không được dưới một năm, dù sao các quy định của câu trên đây sẽ không được áp dụng trong trường hợp ngôn ngữ đó là tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng Tây Ban Nha. Các Chính phủ đã ký kết những thoả thuận nói trên sẽ thông báo cho Tổng Giám đốc về những thoả thuận đó.

4(a). Những giấy phép nói ở Điều khoản này sẽ không được cấp trước khi hết một thời hạn phụ thêm là 6 tháng, nếu thời hạn chính để được cấp là 3 năm và là 9 tháng, nếu thời hạn chính để được cấp là 1 năm và được tính:

i. Kể từ ngày người xin giấy phép hoàn thành các thủ tục nêu trong Điều IV.1, hoặc là,

ii. Nếu không biết tên và địa chỉ của người sở hữu quyền dịch, thì kể từ ngày người xin đã gửi, thể theo quy định ở Điều IV.2 các đơn xin lên nhà chức trách có thẩm quyền cấp giấy phép đó.

(b). Trong thời hạn 6 tháng hay 9 tháng nói trên, nếu một bản dịch sang thứ tiếng đang xin, lại được người sở hữu quyền dịch xuất bản hay cho phép xuất bản, thì không giấy phép nào sẽ còn được cấp thể theo Điều khoản này.

5. Sẽ chỉ cấp giấy phép theo Điều khoản này để dùng vào việc giảng dạy, học tập hay nghiên cứu.

6. Nếu người sở hữu quyền dịch đã xuất bản hay cho phép xuất bản một bản dịch với giá bán tương ứng với giá thông thường được áp dụng trong nước đó cho các tác phẩm tương tự, nếu là bản dịch ra cùng một ngôn ngữ và trên cơ bản có cùng một nội dung như bản dịch được xuất bản nhờ có giấy phép, thì mọi giấy phép được cấp theo Điều khoản này sẽ chấm dứt. Những bản đã được in ra trước khi giấy phép hết hiệu lực có thể được tiếp tục lưu hành cho đến khi hết.

7. Đối với các tác phẩm mà phần chính là hình ảnh thì giấy phép dịch và xuất bản dịch phần ngôn ngữ cũng như in lại và xuất bản các hình ảnh chỉ có thể được cấp nếu các điều kiện nêu ở Điều III cũng được thoả mãn.

8. Không được cấp một giấy phép nào thể theo Điều khoản này khi tác giả đã thu hồi tất cả các phiên bản đã lưu hành của tác phẩm của mình.

9(a). Cũng có thể cấp giấy phép dịch một tác phẩm đã được xuất bản dưới hình thức in ấn hay một hình thức sao in tương tự nào khác, cho một cơ quan

phát thanh có trụ sở trong một nước nói ở Đoạn 1 sau khi cơ quan đó đã đệ đơn lên nhà chức trách có thẩm quyền trong nước nói trên và nếu hội tụ đủ các điều kiện sau đây:

i) Bản dịch phải được dịch ra từ một bản được in và mua sắm phù hợp với luật pháp Quốc gia của nước nói trên;

ii) Bản dịch chỉ để dùng trong những buổi phát thanh dành cho việc giảng dạy hay cho việc phổ biến các thông tin có tính chất khoa học hay kỹ thuật dành cho các chuyên gia của một ngành riêng biệt nào đó;

iii) Bản dịch đó chỉ được dùng riêng vào những mục đích nói ở điểm ii trong các buổi phát thanh hợp pháp và dành cho thính giả trên lãnh thổ của các nước nói trên, kể cả việc phát thanh từ các bản ghi âm hay ghi hình được thực hiện một cách hợp pháp và chỉ dành riêng cho các buổi phát thanh đó;

iv) Tất cả việc sử dụng bản dịch đó đều không mang một tính chất vụ lợi nào.

b) Các bản ghi âm hay ghi hình của một bản dịch do một cơ quan phát thanh thực hiện nhờ có giấy phép được cấp thể theo Đoạn này, cũng có thể được sử dụng bởi bất kỳ một cơ quan phát thanh nào khác có trụ sở trong nước mà nhà chức trách có thẩm quyền đã cấp giấy phép đó, với những mục đích và thể theo các điều kiện đã nêu lên ở Đoạn nhỏ a) và có sự đồng ý của cơ quan này.

c) Nếu hội tụ đủ tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện nêu trong Đoạn a thì giấy phép cũng được cấp cho một cơ quan phát thanh để dịch tất cả các văn bản bao hàm trong một tác phẩm nghe nhìn để thực hiện và phát hành bản dịch với mục đích duy nhất là sử dụng trong việc giảng dạy các cấp.

d) Ngoài những quy định ở những Đoạn từ a, tới c. Các qui định khác ở các Đoạn trên sẽ được áp dụng cho việc ban bố và thực thi tất cả các giấy phép được cấp thể theo Đoạn này.

### **Điều III**

*Hạn chế quyền sao chép: 1. Giấy phép cơ quan có thẩm quyền có thể cấp; 2. đến 5. Điều kiện để cấp giấy phép; 6. Chấm dứt hiệu lực giấy phép; 7. Tác phẩm thuộc phạm vi áp dụng của Điều này*

1. Những nước đã đưa ra tuyên bố sẽ sử dụng khả năng được nêu trong Điều khoản này sẽ được phép thay thế độc quyền sao in theo qui định ở Điều 9 bằng một qui chế các giấy phép không độc quyền và bất khả nhượng, do cơ quan có thẩm quyền cấp với những điều kiện dưới đây và phù hợp với Điều IV.

2(a). Đối với một tác phẩm mà Điều khoản này được áp dụng theo quy định ở Đoạn 7 và sau khi đã:

i) Hết kỳ hạn đã quy định ở Đoạn 3, được tính từ lần xuất bản đầu tiên của một ấn bản nhất định của tác phẩm; hoặc là,

ii) Hết một thời hạn dài hơn do Luật pháp Quốc gia nói ở Đoạn 1 quy định và cũng được tính như trên. Nếu các phiên bản của ấn bản đó không được chính người giữ quyền sở hữu đem bán hoặc cho phép bán ở nước nói trên với giá tương đương với giá các tác phẩm tương tự thông thường trong nước đã nói, để đáp ứng đòi hỏi của đại chúng hoặc nhu cầu giảng dạy ở các cấp, thì mỗi người công dân của nước nói trên có thể xin được một giấy phép sao in và xuất bản ấn bản đó để bán cùng một giá hoặc rẻ hơn, nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy ở các cấp.

b) Cũng có thể được cấp giấy phép theo những điều kiện được quy định trong Điều khoản này để sao in và xuất bản một ấn bản đã được phát hành như đã nói ở Đoạn a nếu như sau khi hết hạn đã chỉ định mà các phiên bản có phép không còn được bán ra trong suốt thời gian 6 tháng ở nước đã nói, để đáp ứng đòi hỏi của đại chúng hoặc nhu cầu giảng dạy ở các cấp đối với một giá tương đương với giá bán các tác phẩm trong nước đó.

3. Thời hạn nói ở Đoạn 2.a.(i) là 5 năm. Trừ những trường hợp sau đây:

i) Thời hạn đối với những tác phẩm thuộc khoa học chính xác, khoa học tự nhiên và về kỹ thuật sẽ là 3 năm.

ii) Còn đối với các tác phẩm thuộc lĩnh vực tiểu thuyết, thơ ca, các tác phẩm kịch, nhạc và các sách về nghệ thuật, thời hạn sẽ là 7 năm.

4(a). Trong trường hợp một giấy phép có thể được cấp sau thời hạn 3 năm, thì giấy phép đó chỉ được cấp theo Điều khoản này sau khi hết thời hạn một thời gian chờ đợi là 6 tháng.

i) Kể từ ngày người xin phép làm xong các thủ tục quy định ở Điều IV.1 hay

ii) Trong trường hợp không biết danh tính hay địa chỉ của người sở hữu quyền tái bản, thì thời hạn 6 tháng được tính kể từ khi người xin phép đã gửi các đơn lên nhà chức trách có thẩm quyền thể theo quy định ở Điều IV.2.

(b) Trong những trường hợp khác và nếu Điều IV.2 được áp dụng thì giấy phép không được cấp trước khi mãn hạn một thời gian chờ đợi là 3 tháng kể từ ngày gửi các đơn xin cấp giấy phép.

(c) Nếu trong thời gian 6 hoặc 3 tháng chờ đợi ở Đoạn a và b tác phẩm được đem bán như đã nói ở đoạn 2.a thì không một giấy phép nào được cấp theo Điều khoản này.

(d) Không một giấy phép nào được cấp nếu tác giả đã thu hồi tất cả các phiên bản của ấn bản được xin phép để sao in và xuất bản.

5. Không một giấy phép nào được cấp để sao in và xuất bản bản dịch một tác phẩm theo Điều khoản này trong những trường hợp sau đây:

i) Khi bản dịch đó không phải do người sở hữu quyền dịch xuất bản hoặc người được người sở hữu quyền dịch cho phép xuất bản.

ii) Khi bản dịch không phải là ngôn ngữ thông dụng ở nước xin phép cấp giấy phép.

6. Nếu các phiên bản của một ấn bản của một tác phẩm được người sở hữu quyền tái bản đem bán hoặc cho phép bán ở nước nói ở Đoạn 1 để đáp ứng nhu cầu của đại chúng hoặc của việc giảng dạy các cấp với một giá tương đương với giá thị trường của những tác phẩm tương tự, thì mọi giấy phép đã được cấp theo Điều khoản này sẽ hết hiệu lực nếu ấn bản đó có cùng một ngôn ngữ và trong văn bản có cùng một nội dung như ấn bản đã được xuất bản nhờ có giấy phép. Những phiên bản in ra trước khi giấy phép hết hiệu lực có thể được tiếp tục lưu hành cho đến khi hết.

7(a). Ngoại trừ trường hợp ở Đoạn b những điều nói về các tác phẩm trong Điều này chỉ được áp dụng đối với các tác phẩm được xuất bản dưới dạng in ấn hay sao in tương tự.

(b) Điều này cũng được áp dụng cho việc sao bản dưới hình thức nghe nhìn những băng, phim được thực hiện một cách hợp pháp và được coi là tác phẩm được bảo hộ, và cũng được áp dụng cho việc dịch bản văn kèm theo sang một thứ ngôn ngữ thông dụng trong nước nơi xin giấy phép; dĩ nhiên là các băng, phim nói trên được thực hiện và xuất bản với mục đích duy nhất là dùng giảng dạy các cấp.

#### **Điều IV**

*Qui định chung đối với giấy phép theo Điều II và III: 1. và 2. Thủ tục; 3. Nêu tác giả và tên tác phẩm; 4. Xuất khẩu bản sao; 5. Ghi chú; 6. Bù đắp*

1. Mọi giấy phép đã nói ở Điều II và Điều III chỉ có thể được cấp nếu người xin, theo đúng các thủ tục hiện hành ở nước hữu quan, minh chứng được rằng mình đã tuân trường hợp xin người sở hữu quyền cho phép hoặc để dịch và xuất bản, hoặc sao in và xuất bản một ấn bản mà bị từ chối, hay là sau khi đã làm hết cách mà không tiếp xúc được với người sở hữu quyền đó. Đồng thời với việc xin phép người sở hữu quyền, người xin cũng phải thông báo cho Trung tâm Thông tin Quốc gia hay Quốc tế nêu lên ở Đoạn 2.

2. Nếu không tiếp xúc được với người sở hữu quyền, thì người xin phải gửi bảo đảm bằng máy bay bản sao các đơn từ đã nộp cho nhà chức trách có quyền cấp giấy phép, tới Nhà xuất bản có tên in trên tác phẩm, cũng như tới Trung tâm Thông tin Quốc gia hay Quốc tế có thể đã được Chính phủ của Quốc gia nơi



Nhà xuất bản được xem là có trụ sở hoạt động chính chỉ định bằng một thông báo đã gửi lên Tổng Giám đốc về việc đó.

3. Tên tác giả phải được nêu rõ trên tất cả các phiên bản của bản dịch hay của bản sao in được xuất bản nhờ giấy phép được cấp thể theo Điều II hoặc Điều III. Tên tác phẩm phải được ghi trên mỗi phiên bản. Nếu là một bản dịch thì tên tác phẩm gốc cũng phải được ghi trên các bản này.

4(a). Giấy phép được cấp theo Điều II hay Điều III không được bao hàm việc xuất cảng các phiên bản và chỉ có giá trị tùy từng trường hợp hoặc cho việc xuất bản các bản dịch hoặc tái bản trong nội địa của Quốc gia nơi giấy phép đã được cấp.

(b) Trong việc áp dụng Đoạn a được coi là xuất cảng việc gửi các phiên bản từ một vùng lãnh thổ tới nước đã tuyên bố theo Điều I.5 đối với lãnh thổ đó.

(c) Khi một cơ quan Chính phủ hay một công sở nào khác của nước đã cấp giấy phép theo Điều II để dịch sang một thứ tiếng khác không phải là tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha, gửi các phiên bản của bản dịch đã được xuất bản nhờ giấy phép đó sang một nước khác, thì việc gửi đó sẽ không được xem là xuất cảng như đã nói ở Đoạn a nếu như những điều kiện sau đây được thoả mãn:

i) Những người nhận là các cá nhân, công dân của nước mà cơ quan thẩm quyền đã cấp giấy phép nói trên hoặc là các đoàn thể quy tụ các công dân đó;

ii) Các phiên bản chỉ dùng với mục đích giảng dạy hoặc nghiên cứu;

iii) Việc gửi các phiên bản và việc phân phát sau đó cho các người nhận không có một tính chất vụ lợi nào; và,

iv) Nước nhận các phiên bản đó đã ký một Thoả ước với nước nơi nhà chức trách có thẩm quyền đã cấp giấy phép, để được quyền nhận hoặc phân phát hoặc vừa nhận vừa phân phát, và Chính phủ của nước cấp giấy phép đã thông báo lên Tổng Giám đốc về Thoả ước đó.

5. Trên tất cả các phiên bản được xuất bản nhờ giấy phép được cấp theo Điều II hay Điều III đều phải ghi chú bằng thứ ngôn ngữ thích hợp, nêu rõ là các bản đó chỉ được lưu hành ở nước hay lãnh thổ được áp dụng giấy phép nói trên.

6(a). Những biện pháp thích đáng sẽ được áp dụng trên bình diện Quốc gia để:

i) Giấy phép đó mang lại cho người sở hữu quyền dịch hay quyền tái bản một lợi nhuận cân xứng, phù hợp với mức nhuận bút phải trả cho tác giả trong trường hợp những giấy phép được hai bên trong hai nước hữu quan liên hệ tự do thoả thuận với nhau;

ii) Đảm bảo việc trả và chuyển tiền nhuận bút, nếu Quốc gia đó có sự hạn chế về trao đổi ngoại tệ. Thì nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng hết sức bằng cách vận dụng các guồng máy quốc tế khả dĩ đảm bảo việc chuyển tiền nhuận bút bằng một ngoại tệ chuyển đổi được trên thị trường quốc tế hoặc bằng một số tương đương.

(b). Những biện pháp thích đáng sẽ được áp dụng trên cơ sở Luật pháp Quốc gia để đảm bảo, theo trường hợp cho bản dịch một tác phẩm được thực hiện một cách đúng đắn, hoặc bản sao in một ấn bản được hoàn chỉnh.

## **Điều V**

*Khả năng lựa chọn về hạn chế quyền dịch: 1. Chế độ qui định theo các Đạo luật 1886 và 1896; 2. Không được chuyển đổi sang chế độ theo Điều II; 3. Thời hạn để xác định khả năng lựa chọn*

1(a). Những nước được quyền tuyên bố sử dụng khả năng nói ở Điều II, khi phê chuẩn hay gia nhập Đạo luật này, thay vì tuyên bố đó, có thể:

i) Nếu là một nước được áp dụng Điều 30.2.a ra tuyên bố theo quy định của Điều khoản này liên quan đến quyền dịch;

ii) Nếu là một nước không được áp dụng Điều 30.2.a và cả trong trường hợp nước đó không phải là một nước ngoài Liên Hiệp, ra tuyên bố như đã nói ở câu thứ nhất của Điều 30.2.b.

(b). Trong trường hợp một nước không còn được xem là nước đang phát triển theo Điều I.1, việc tuyên bố theo Đoạn này cũng sẽ có hiệu lực cho đến khi hết thời hạn đã quy định ở Điều I.3.

(c). Nước nào đã ra tuyên bố theo Đoạn này sau đó sẽ không còn được áp dụng khả năng nói ở Điều II, cho dù nước đó thu hồi tuyên bố nói trên.

2. Ngoài trường hợp nói ở Đoạn 3, nước nào đã sử dụng khả năng nói trong Điều II thì sau đó sẽ không còn được tuyên bố theo Đoạn 1 nữa.

3. Một nước hết được coi là một nước đang phát triển theo Điều I.1 có thể chậm lắm là hai năm trước khi chấm dứt thời hạn quy định ở Điều I.3 ra tuyên bố theo câu đầu của Điều 30.2.b cho dù nước đó không là một nước Liên Hiệp, tuyên bố sẽ có hiệu lực ngay khi hết thời hạn quy định theo Điều I.3.

## **Điều VI**

*Khả năng áp dụng, hoặc cho phép áp dụng đối với một số qui định của Phụ lục trước khi bị ràng buộc: 1. Tuyên bố; 2. Nộp lưu và ngày hiệu lực của tuyên bố*

1. Mỗi nước thuộc Liên Hiệp có thể từ ngày ra Đạo luật này và vào bất kỳ thời gian nào trước khi bị ràng buộc bởi các Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục này đều có thể:

i) Nếu là một nước mà khi bị ràng buộc bởi các Điều từ 1 đến 21 và Phụ lục, sẽ được phép sử dụng những khả năng nêu trong Điều I.1, ra tuyên bố rằng mình sẽ áp dụng những quy định ở Điều II hay Điều III hoặc là cả hai Điều đó cho những tác phẩm có nước gốc là một nước theo quy định ở Điểm (ii) sau đây, chấp nhận việc áp dụng các Điều khoản này cho những tác phẩm đã nói, hoặc là một nước bị ràng buộc bởi các Điều khoản từ 1 đến 21 và Phụ lục tuyên bố nói trên có thể làm, chiếu theo Điều V thay vì chiếu theo Điều II;

ii) Tuyên bố rằng mình chấp nhận để các nước đã tuyên bố theo Điểm i trên đây hoặc đã thông báo theo Điều I, áp dụng Phụ lục này cho những tác phẩm xuất xứ từ nước mình.

2. Những tuyên bố theo Đoạn 1 phải là một văn bản và phải gửi cho Tổng Giám đốc. Tuyên bố đó sẽ có hiệu lực kể từ ngày được nộp.